

Số: *04* /TB-UBND

Hà Nam, ngày *15* tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán
ngân sách địa phương năm 2017**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo công khai tình hình thực hiện thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà năm 2017 đến thời điểm 31/12/2018, cụ thể như sau:

A. Các văn bản triển khai thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã có Công văn số 2672/UBND-KT ngày 18/9/2018 về việc triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận của kiểm toán nhà nước; Văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 về việc chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán.

- Sở Tài chính có Kế hoạch số 2045/KH-STC ngày 25/9/2018 triển khai thực hiện kiến nghị Kiểm toán NSDP năm 2017 của tỉnh Hà Nam và các công văn đôn đốc gửi trực tiếp cho các đơn vị có những nội dung kiểm toán kiến nghị và báo cáo kết quả về sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Kiểm toán NN khu vực I.

B. Kết quả thực hiện kiến nghị đến ngày 31/12/2018:

Đơn vị tính: đồng

STT	Kiến nghị xử lý tài chính	Số tiền kiến nghị (đ)	Đã thực hiện (đ)	Chưa thực hiện (đ)	Tỷ lệ % thực hiện	Ghi chú
	Tổng cộng	209.694.072.636	173.127.688.347	36.566.384.290	82,56	
I	Kiến nghị về thuế, phí	24.281.902.710	11.928.061.810	12.353.840.900	49,12	
<i>1</i>	<i>Tăng thu NSNN</i>	<i>21.432.523.103</i>	<i>9.146.725.897</i>	<i>12.285.797.206</i>	<i>42,68</i>	Phụ lục 08, 08a/BCKT- NSDP
a	Thuế GTGT	1.418.986.662	138.117.239	1.280.869.423	9,73	
b	Thuế TNDN	7.603.864.348	575.851.503	7.028.012.845	7,57	
c	Thuế tài nguyên	14.760.000		14.760.000	-	
d	Phí môi trường	1.229.069.283		1.229.069.283	-	
e	Thu bảo vệ và PT đất trồng lúa nước	83.175.000	83.175.000		-	
g	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	5.440.645.168	5.440.645.168		100	
h	Thu hồi hoàn thuế GTGT	5.437.851.494	2.704.765.839	2.733.085.655	49,74	
i	Giảm phải thu NSNN	204.171.148	204.171.148		100	
<i>2</i>	<i>Giảm phải nộp NSNN</i>	<i>68.043.694</i>		<i>68.043.694</i>	<i>-</i>	
<i>3</i>	<i>Giảm lỗ chuyển năm sau</i>	<i>2.781.335.913</i>	<i>2.781.335.913</i>	<i>-</i>	<i>100</i>	
II	Thu hồi, nộp NS các khoản thu, chi sai quy định	26.633.996.989	21.415.281.507	5.218.715.482	80,41	
<i>1</i>	<i>Chi thường xuyên</i>	<i>26.184.104.424</i>	<i>21.039.728.507</i>	<i>5.144.375.917</i>	<i>80,35</i>	Phụ lục số 09, 09a/BCKT- NSDP

STT	Kiến nghị xử lý tài chính	Số tiền kiến nghị (đ)	Đã thực hiện (đ)	Chưa thực hiện (đ)	Tỷ lệ % thực hiện	Ghi chú
2	Chi đầu tư XD CB	449.892.565	375.553.000	74.339.565	83,48	Phụ lục số 07, 09/BCKT-NSDP
III	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	38.557.435.835	31.888.387.198	6.669.048.637	82,70	Phụ lục số 09, 09a/BCKT-NSDP
	Chi thường xuyên	38.557.435.835	31.888.387.198	6.669.048.637	82,70	
IV	Nộp trả NS cấp trên, KP thừa hết nhiệm vụ chi	20.000.000	20.000.000	-	100	Phụ lục số 09, 09a/BCKT-NSDP
	Chi thường xuyên	20.000.000	20.000.000	-	100	
V	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	89.045.635.755	78.987.632.600	10.058.003.155	88,70	
1	Chi thường xuyên	14.802.521.216	9.429.958.199	5.372.563.017	63,71	Phụ lục số 09, 09a/BCKT-NSDP
2	Chi đầu tư XD CB	74.243.114.539	69.557.674.401	4.685.440.138	93,69	Phụ lục số 07, 09/BCKT-NSDP
VI	Hoàn trả nguồn	1.136.797.562	966.247.000	170.550.562	85	Phụ lục số 09, 09a/BCKT-NSDP
	Chi thường xuyên	1.136.797.562	966.247.000	170.550.562	85	
VII	Giảm giá trúng thầu	30.018.303.785	27.922.078.232	2.096.225.553	93,02	Phụ lục số 07, 09/BCKT-NSDP

I. Kiến nghị các đơn vị được kiểm toán điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo ý kiến kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

Các đơn vị đã thực hiện điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính số 2672/UBND-KT ngày 18/9/2018 về việc triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận của kiểm toán NSDP năm 2017 tại tỉnh Hà Nam; Kế hoạch số 2045/KH-STC ngày 25/9/2018 của Sở Tài chính triển khai thực hiện kiến nghị Kiểm toán NSDP năm 2017 của tỉnh Hà Nam.

II. Kiến nghị xử lý tài chính của Kiểm toán nhà nước tổng số tiền: 209.694.072.636 đồng

1. Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 173.127.688.347 đồng đạt 82,6%, trong đó:

Tăng thu NSNN: 9.146.725.897 đồng; Giảm lỗ chuyển năm sau: 2.781.335.913; Thu hồi, nộp NS các khoản thu, chi sai quy định: 21.415.281.507 đồng; Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp: 31.888.387.198 đồng; Nộp trả NS cấp trên, kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi: 20.000.000 đồng; Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: 78.987.632.600 đồng; Hoàn trả nguồn: 966.247.000 đồng; Giảm giá trúng thầu: 27.922.078.232 đồng.

2. Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 36.566.384.290 đồng chiếm 17,4%, bao gồm:

- Tăng thu NSNN là: 12.285.797.206 đồng.

- Thu hồi, nộp NS các khoản thu, chi sai quy định: 5.218.715.482 đồng.

Nguyên nhân: Do các đơn vị gặp khó khăn về tài chính nên chưa hoàn thành việc nộp NSNN. Các đơn vị tiếp tục thực hiện nộp NSNN năm 2019.

- Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: 10.058.003.155 đồng.

Nguyên nhân: Do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của kiểm toán nhà nước. Riêng nội dung giảm trừ nguồn cải cách tiền lương của Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện mắt, hai đơn vị này năm 2019 đã giao tự chủ chi thường xuyên và sẽ thực hiện nộp NSNN năm 2019.

- Giảm phải nộp NSNN là: 68.043.694 đồng.

- Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp: 6.669.048.637 đồng

- Hoàn trả nguồn: 170.550.562 đồng.

- Giảm giá trúng thầu: 2.096.225.553 đồng.

Nguyên nhân: Do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

(Chi tiết theo các mẫu biểu đính kèm)

3. Tổng số kiến nghị khác của KTNN: 721.337.932.186 đồng

- Số đã thực hiện: 509.939.904.949 đồng đạt 70,7 %

- Số chưa thực hiện: 211.398.027.237 đồng chiếm 29,3%

(Chi tiết theo các mẫu biểu đính kèm)

4. Kiến nghị chấn chỉnh quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước

4.1. Trong lĩnh vực quản lý thu ngân sách

- Kiến nghị: Xây dựng dự toán các khoản thu nội địa đảm bảo mức phân đấu tăng bình quân theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thực hiện: UBND tỉnh đã giao cơ quan Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện xây dựng dự toán các khoản thu nội địa đảm bảo mức phân đấu tăng bình quân theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. *(Văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 v/v chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán).*

- Kiến nghị: Rà soát các đơn vị được giao đất, cho thuê đất từ tháng 01/7/2015 từ khi Nghị định 35/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa có hiệu lực, Báo cáo và xin ý kiến của Bộ Tài chính về những vướng mắc khi thực hiện tính và thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa nước theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Thực hiện: Năm 2018, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các đơn vị được giao đất, cho thuê đất từ tháng 01/7/2015 từ khi Nghị định 35/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa có hiệu lực, Báo cáo và xin ý kiến của Bộ Tài chính về những

vướng mắc khi thực hiện tính và thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa nước theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. *(Văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 v/v chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán).*

- Kiến nghị: Tiếp tục rà soát các trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư nhưng chưa phù hợp với các quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP, Nghị định số 35/2002/NĐ-CP, Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định về miễn, giảm tiền thuê đất, để thực hiện kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2015 của tỉnh Hà Nam.

Thực hiện: Năm 2018, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch Đầu tư, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh rà soát các trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư nhưng chưa phù hợp với các quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP, Nghị định số 35/2002/NĐ-CP, Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định về miễn, giảm tiền thuê đất, để thực hiện kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2015 của tỉnh Hà Nam. *(Văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh v/v chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán, Báo cáo số 1871/SKHĐT-HTĐT ngày 05/12/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư v/v thực hiện kiến nghị Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017).*

- Kiến nghị: Thực hiện xử phạt theo quy định đối với các doanh nghiệp vi phạm trong việc kê khai, quyết toán thuế, hoàn thuế GTGT dẫn đến xác định thiếu số thuế phải nộp NSNN, tăng số thuế được hoàn qua phát hiện của Kiểm toán nhà nước.

Thực hiện: Chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 về việc chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị: Tăng cường công tác kiểm tra sau hoàn thuế để giảm bớt tỷ lệ số quyết định đã được hoàn thuế nhưng chưa được kiểm tra sau hoàn, Công tác đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế theo chỉ tiêu Tổng cục thuế giao.

Thực hiện: Chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 về việc chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị: Tiếp tục thực hiện xử phạt theo quy định đối với các trường hợp người nộp thuế nộp chậm hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế năm 2017 nhưng chưa được xử lý.

Thực hiện: Chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2995/UBND-KT ngày

16/10/2018 về việc chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị: Theo dõi việc kê khai, xác định chi phí khi tính thuế TNDN đối với những công trình/dự án tại các doanh nghiệp có tăng doanh thu, tăng thuế GTGT do hạch toán thiếu doanh thu, kê khai thiếu thuế GTGT phát hiện qua kết quả kiểm tra, đối chiếu của KTNN.

Thực hiện: Chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 về việc chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị: Thực hiện thanh tra thuế, rà soát, xác minh đối với các hóa đơn HHDV mua vào đã kê khai và các chỉ tiêu trên Tờ khai thuế GTGT năm 2017 để có đánh giá chính xác về tình hình kê khai nộp thuế đối với Công ty TNHH Vận tải và Xử lý nền móng Thịnh Vượng, MST 0700639176. Báo cáo kết quả về Kiểm toán nhà nước khu vực I.

Chưa thực hiện.

4.2. Trong lĩnh vực chi ngân sách

- Kiến nghị: Đề nghị Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh giao dự toán dự phòng cho huyện, thành phố và huyện giao dự toán dự phòng cho xã đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

Thực hiện: Năm 2019, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh giao dự toán dự phòng cho huyện và huyện giao dự toán dự phòng cho xã đảm bảo tỷ lệ theo quy định (*QĐ giao dự toán số Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam*).

- Kiến nghị: Thực hiện phân bổ và giao dự toán đến đơn vị sử dụng ngân sách ngay từ đầu năm theo đúng quy định của Luật NSNN.

Thực hiện: Năm 2018, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ và giao dự toán đến đơn vị sử dụng ngân sách ngay từ đầu năm theo đúng quy định của Luật NSNN (*QĐ giao dự toán số Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam, Văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 v/v chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán*).

- Kiến nghị: Chấn chỉnh, chấm dứt tình trạng phân bổ và sử dụng nguồn tăng thu NS chưa theo đúng quy định của Luật NSNN.

Thực hiện: Năm 2019, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ và sử dụng nguồn tăng thu NS chưa theo đúng quy định của Luật NSNN (*Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 30/11/2018 về báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2018 dự toán và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện dự toán NSNN năm 2019 – tỉnh Hà Nam*).

- Kiến nghị: Các đơn vị được kiểm toán thực hiện công tác kế toán, xây dựng quy chế quản lý tài sản và thực hiện chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản hàng năm theo quy định.

Thực hiện: Năm 2018, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán thực hiện công tác kế toán, xây dựng quy chế quản lý tài sản và thực hiện chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản hàng năm theo quy định (*Văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 v/v chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán*).

- Kiến nghị: Huyện Kim Bảng chấn chỉnh trong việc để các xã đã sử dụng nguồn thu từ đất, thu các khoản đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, thu đền bù khi nhà nước thu hồi đất chi mua sắm tài sản, sửa chữa nhỏ thường xuyên chưa đúng quy định.

Thực hiện: Năm 2018, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo huyện Kim Bảng chấn chỉnh trong việc để các xã đã sử dụng nguồn thu từ đất, thu các khoản đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, thu đền bù khi nhà nước thu hồi đất chi mua sắm tài sản, sửa chữa nhỏ thường xuyên chưa đúng quy định. (*Văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 v/v chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán*).

- Kiến nghị: UBND thành phố Phủ Lý báo cáo UBND tỉnh để có phương án xử lý đối với 01 xe ô tô vượt định mức quy định.

Chưa thực hiện.

4.3. Trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng

- Kiến nghị: Các chủ đầu tư, Ban QLDA: Tăng cường chất lượng công tác khảo sát, thiết kế dự toán và nghiệm thu, quyết toán công trình; đối với những gói thầu đấu thầu và những gói thầu chỉ định thầu (trường hợp có giá gói thầu trong hạn mức được chỉ định thầu), từ nay, khi có quy mô và TMĐT phát sinh lớn so với quy mô, giá trị trúng thầu được duyệt, cần xem xét chỉ đạo chủ đầu tư lập gói thầu mới để tổ chức đấu thầu nhằm tăng tính cạnh tranh, tiết kiệm chi phí đầu tư; đối với các gói thầu thực hiện theo hình thức trọn gói cần xác định đúng dẫn chi phí dự phòng, đặc biệt là chi phí dự phòng phát sinh khối lượng, tránh thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành bảo đảm thời gian quy định; đôn đốc các nhà thầu, đồng thời phối hợp với kho bạc nhà nước Hà Nam để thu hồi các khoản tạm ứng đã kéo dài qua nhiều năm (quá hạn) của các dự án đầu tư số tiền 7.006.680.717đ. Trong trường hợp không có khối lượng hoàn ứng, hoặc dự án đã dừng thực hiện kiên quyết thu hồi hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định; các BQL DA hạch toán đầy đủ kịp thời các khoản công nợ phát sinh và các khoản thu chi vào hệ thống kế toán và thực hiện quyết toán theo quy định.

Thực hiện: Chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 về việc chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị: Các đơn vị quản lý nhà nước liên quan thực hiện tăng cường công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; rà soát rà và tổng hợp lại số liệu nợ XDCB trên địa bàn, đảm bảo đầy đủ, chính xác cả số nợ công trình đã hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu khối lượng và đề nghị thanh toán, tiếp tục báo cáo trước HĐND Tỉnh, báo cáo TW và có giải pháp tháo gỡ hiệu quả để có thể xử lý được nợ XDCB trên địa bàn; không đầu tư các dự án mới không thực sự cấp bách khi chưa xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB theo quy định của Chính phủ; bố trí kế hoạch vốn để thu hồi vốn ứng trước đối với số dư nợ vốn ứng trước kéo dài qua nhiều năm, tính đến niên độ 2017 là 340.654.089.000đ.

Thực hiện: Chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 về việc chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị: UBND huyện Kim Bảng chấn chỉnh rút kinh nghiệm và báo cáo HĐND xem xét quyết định về việc bố trí vốn đầu tư cho các dự án không được phê duyệt trong Kế hoạch đầu tư trung hạn.

Thực hiện: Chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 về việc chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị: Trong công tác GPMB liên quan đến Dự án ĐT.495B: (i) khẩn trương có phương án bố trí TĐC đối với 11 hộ còn chưa được bố trí TĐC; (ii) Chỉ đạo UBND huyện Thanh Liêm và các đơn vị thực hiện GPMB tổ chức quyết toán chi phí GPMB làm cơ sở hạch toán chi phí đầu tư dự án sử dụng vốn NSNN và phục vụ cho công tác quyết toán dự án hoàn thành.

Thực hiện: Chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 về việc chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán.

- Kiến nghị: Đề nghị UBND tỉnh: (i) Rút kinh nghiệm trong việc bố trí và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư vào cuối năm; chưa có kế hoạch hoàn trả vốn ứng trước theo quy định của Luật NSNN; (ii) Thực hiện nghiêm Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng XDCB nguồn vốn đầu tư công. Chỉ đạo, ưu tiên bố trí vốn trả nợ XDCB theo qui định; Đối với các khối lượng xây lắp hoàn thành có kế hoạch bố trí vốn thanh toán hàng năm nhằm giảm nợ đọng XDCB nhằm thực hiện tốt Chỉ thị 07/CT-TTg nêu trên của Thủ tướng Chính phủ; (iii) Tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý và thực hiện đầu tư xây dựng.

Thực hiện: UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch Đầu tư xem xét trong việc tham mưu cho UBND tỉnh bố trí và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư,... (Văn bản số 2995/UBND-KT ngày 16/10/2018 v/v chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng NSNN theo ý kiến, kiến nghị của Kiểm toán) và tham mưu cho HĐND ban hành Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 v/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020).

5. Kiến nghị đối với Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam

- Kiến nghị: Chỉ đạo UBND Tỉnh bố trí NSDP để hoàn trả tạm ứng đến hạn trả, trả dứt điểm nợ đọng đầu tư xây dựng

Thực hiện: Năm 2018, HĐND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh bố trí ngân sách địa phương và thu hồi kinh phí ứng cho các đơn vị để hoàn ứng quỹ phát triển đất, số tiền 34.402 triệu đồng; hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh, số tiền 87.076 triệu đồng; số còn lại chưa thu hồi được 115.360 triệu đồng, nguyên nhân do các dự án được ứng vốn vẫn đang trong quá trình thực hiện, chưa được quyết toán nên chưa có cơ sở thu hồi vốn ứng, mặt khác nguồn lực địa phương còn hạn chế nên chưa bố trí được đủ nguồn để thu hồi vốn ứng, Sở Tài chính sẽ tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện thu hồi theo đúng quy định.

Về nợ đọng đầu tư xây dựng, trong năm 2018, HĐND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh bố trí từ nguồn vượt thu, nguồn hỗ trợ nông thôn mới, nguồn tăng cường cơ sở vật chất trường học,... khoảng 1.000 tỷ đồng để thanh toán nợ khối lượng xây dựng cơ bản các công trình, trả dứt điểm nợ đọng đầu tư xây dựng.

- Kiến nghị: Tăng cường giám sát các đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ các kiến nghị của KTNN trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công như đã nêu trong Báo cáo kiểm toán. Xem xét kết quả kiểm toán khi phê chuẩn Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2017 của tỉnh.

Thực hiện: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 về chương trình giám sát năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, nhiệm kỳ 2016-2021 để tăng cường giám sát các đơn vị.

Trên đây là nội dung công khai kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực I đối với ngân sách địa phương năm 2017 tỉnh Hà Nam đến hết ngày 31/12/2018. *l/ky*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TH (H);
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Xuân Đông

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NSĐP NĂM 2017



ĐVT: Đồng

STT	Kiến nghị xử lý tài chính	Số tiền kiến nghị	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Tỷ lệ % thực hiện	Ghi chú
	Tổng cộng	209.694.072.636	173.127.688.347	36.566.384.290	82,56	
I	Kiến nghị về thuế, phí	24.281.902.710	11.928.061.810	12.353.840.900	49,12	
1	Tăng thu NSNN	21.432.523.103	9.146.725.897	12.285.797.206	42,68	
	Thuế GTGT	1.418.986.662	138.117.239	1.280.869.423	9,73	
	Thuế TNDN	7.603.864.348	575.851.503	7.028.012.845	7,57	
	Thuế tài nguyên	14.760.000		14.760.000	-	
	Phí môi trường	1.229.069.283		1.229.069.283	-	
	Thu bảo vệ và PT đất trồng lúa nước	83.175.000	83.175.000	-	100,00	Phụ lục số 08, 08a/BCKT-NSĐP
	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	5.440.645.168	5.440.645.168	-	100	
	Thu hồi hoàn thuế GTGT	5.437.851.494	2.704.765.839	2.733.085.655	49,74	
	Giảm phải thu NSNN	204.171.148	204.171.148	-	100	
2	Giảm phải nộp NSNN	68.043.694		68.043.694	-	Phụ lục số 08/BCKT-NSĐP
3	Giảm lỗ chuyển năm sau	2.781.335.913	2.781.335.913	-	100	
II	Thu hồi, nộp NS các khoản thu, chi sai quy định	26.633.996.989	21.415.281.507	5.218.715.482	80,41	
1	Chi thường xuyên	26.184.104.424	21.039.728.507	5.144.375.917	80,35	Phụ lục số 09, 09a/BCKT-NSĐP
2	Chi đầu tư XDCB	449.892.565	375.553.000	74.339.565	83,48	Phụ lục số 07, 09/BCKT-NSĐP
III	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	38.557.435.835	31.888.387.198	6.669.048.637	82,70	
	Chi thường xuyên	38.557.435.835	31.888.387.198	6.669.048.637	82,70	Phụ lục số 09, 09a/BCKT-NSĐP
IV	Nộp trả NS cấp trên, KP thừa hết nhiệm vụ chi	20.000.000	20.000.000	-	100	
	Chi thường xuyên	20.000.000	20.000.000	-	100	Phụ lục số 09, 09a/BCKT-NSĐP
V	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	89.045.635.755	78.987.632.600	10.058.003.155	88,70	
1	Chi thường xuyên	14.802.521.216	9.429.958.199	5.372.563.017	63,71	Phụ lục số 09, 09a/BCKT-NSĐP
2	Chi đầu tư XDCB	74.243.114.539	69.557.674.401	4.685.440.138	93,69	Phụ lục số 07, 09/BCKT-NSĐP
VI	Hoàn trả nguồn	1.136.797.562	966.247.000	170.550.562	85	
	Chi thường xuyên	1.136.797.562	966.247.000	170.550.562	85	Phụ lục số 09, 09a/BCKT-NSĐP
VII	Giảm giá trúng thầu	30.018.303.785	27.922.078.232	2.096.225.553	93,02	Phụ lục số 07, 09/BCKT-NSĐP



KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI TIẾT DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI TỈNH HÀ NAM NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên dự án/gợi đầu	Chủ đầu tư/Ban quản lý DA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán xác định	Chênh lệch	Trong đó			Cấp phát đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý			
							Sai KL	Sai ĐG, định mức	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Tổng cộng		7.935.440.798.260	7.902.249.226.060	7.781.291.082.854	-120.958.143.206	-93.584.115.266	-6.158.924.320	-21.215.103.620	1.313.631.904.572	449.892.565	74.243.114.539	30.018.303.785	16.321.171.882
A	Giá trị quyết toán phê duyệt		98.397.601.000	96.707.775.000	95.697.090.000	-1.010.685.000	-579.426.000	-147.088.000	-284.171.000	80.135.562.340	0	350.961.000	0	284.171.000
1	Đầu tư xây dựng giai đoạn I công trình khu đến thờ các anh hùng liệt sỹ và di tích lịch sử văn hóa tỉnh Hà Nam	UBND thành phố Phủ Lý/Ban QLDA	35.294.409.000	35.294.409.000	35.005.373.000	-289.036.000	-70.615.000	-101.248.000	-117.173.000	32.764.924.340	133.349.000	38.514.000		117.173.000
	- Gói thầu xây lắp		35.294.409.000	35.294.409.000	35.005.373.000	-289.036.000	-70.615.000	-101.248.000	-117.173.000	32.764.924.340	133.349.000	38.514.000		117.173.000
2	Dự án Xây dựng đường DH 04 (đoạn từ QL21B đến đường N8-2) thị trấn Quế, huyện Kim Bảng	BQLDA ĐTXD công trình - UBND huyện Kim Bảng	6.388.334.000	6.305.371.000	6.235.188.000	-70.183.000	-70.183.000	0	0	6.388.334.000	70.183.000	0	0	0
	- Chi phí XD		5.851.193.000	5.851.193.000	5.781.010.000	-70.183.000	-70.183.000			5.851.193.000	70.183.000			
	- Chi phí khác (tr.vấn, QLDA, khác)		537.141.000	454.178.000	454.178.000	0				537.141.000				
3	Dự án Nhà làm việc các cơ quan Huyện ủy-HDND-UBND huyện Kim Bảng	BQLDA ĐTXD công trình - UBND huyện Kim Bảng	6.958.742.000	6.789.744.000	6.718.714.000	-71.030.000	-25.190.000	-45.840.000		6.958.742.000	71.030.000			0
	- Chi phí XD		6.234.491.000	6.234.491.000	6.163.461.000	-71.030.000	-25.190.000	-45.840.000		6.234.491.000	71.030.000			
	- Chi phí khác (tr.vấn)		724.251.000	555.253.000	555.253.000					724.251.000				
4	Dự án Các hạng mục phụ trợ khu Trụ sở Huyện ủy - UBND huyện Kim Bảng	BQLDA ĐTXD công trình - UBND huyện Kim Bảng	9.162.769.000	9.162.769.000	9.070.188.000	-92.581.000	-92.581.000	0	0	9.162.769.000	92.581.000			
	- Chi phí XD		8.526.387.000	8.526.387.000	8.433.806.000	-92.581.000	-92.581.000			8.526.387.000	92.581.000			
	- Chi phí khác (tr.vấn, QLDA, khác)		636.382.000	636.382.000	636.382.000					636.382.000				
5	Dự án Khu thể thao huyện Kim Bảng	BQLDA ĐTXD công trình - UBND huyện Kim Bảng	6.499.345.000	6.350.643.000	6.175.235.000	-175.408.000	-8.410.000	0	-166.998.000	6.499.345.000	8.410.000			166.998.000
	- Chi phí XD		5.813.664.000	5.813.664.000	5.638.256.000	-175.408.000	-8.410.000		-166.998.000	5.813.664.000	8.410.000			166.998.000
	- Chi phí khác (tr.vấn, QLDA, khác)		685.681.000	536.979.000	536.979.000					685.681.000				
6	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo đường ngang tam tại Km52+112 tuyến đường sắt HN-TP. HCM thành đường ngang cấp I, sử dụng lâu dài	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	21.803.874.000	21.285.057.000	21.114.715.000	-170.342.000	-170.342.000	0	0	15.137.000.000	0	170.342.000	0	0
	- Chi phí XD		16.592.736.000	16.592.736.000	16.422.394.000	-170.342.000	-170.342.000	0	0	10.381.437.000		170.342.000		
	- Chi phí GPMB		3.428.423.000	3.428.423.000	3.428.423.000	0	0			3.428.423.000	0			
	- Chi phí khác (Tr.vấn, QLDA, khác)		1.784.715.000	1.263.898.000	1.263.898.000					1.327.140.000				
7	Dự án xây dựng đường ngang tam có người gác sử dụng có thời hạn tại Km52+112 tuyến đường sắt HN-TP.HCM để phục vụ thi công hệ thống đường giao thông và Khu liên hợp thể thao tỉnh Hà Nam	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	12.288.128.000	11.519.782.000	11.377.677.000	-142.105.000	-142.105.000	0	0	3.224.448.000	0	142.105.000	0	0
	- Chi phí XD		9.431.576.000	9.431.576.000	9.289.471.000	-142.105.000	-142.105.000	0	0	2.000.000.000		142.105.000		
	- Chi phí GPMB		0	0	0	0	0			0	0			
	- Chi phí khác (Tr.vấn, QLDA, khác)		2.856.552.000	2.088.206.000	2.088.206.000					1.224.448.000				
B	Giá trị nghiệm thu, quyết toán A-B		5.763.031.245.892	5.731.529.499.692	5.643.156.547.387	-88.372.952.305	-64.839.326.449	-6.503.818.939	-17.029.806.917	1.226.874.446.731	0	73.892.153.539	0	14.480.798.766
1	Dự án Nâng cấp, xây dựng Trường mầm non Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý	UBND thành phố Phủ Lý	15.447.296.200	15.447.296.200	15.280.574.200	-166.722.000	-147.844.000	-18.878.000	0	11.902.513.600	0	166.722.000	0	0
	- Gói thầu xây lắp		15.447.296.200	15.447.296.200	15.280.574.200	-166.722.000	-147.844.000	-18.878.000		11.902.513.600		166.722.000		
2	Dự án Nâng cấp, xây dựng trường Tiểu học Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý	UBND thành phố Phủ Lý	12.652.940.000	12.652.940.000	12.552.834.000	-100.106.000	-73.507.000	-26.599.000	0	11.193.000.000		100.106.000		
	- Gói thầu xây lắp		12.652.940.000	12.652.940.000	12.552.834.000	-100.106.000	-73.507.000	-26.599.000		11.193.000.000		100.106.000		
3	Dự án Xây dựng tuyến đường Trần Quang Khải, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý	Ban QLDA ĐTXD các công trình thành phố Phủ Lý	6.437.218.000	6.437.218.000	6.395.391.000	-41.827.000	-41.827.000	0	0	5.773.000.000		41.827.000		
	- Gói thầu xây lắp		6.437.218.000	6.437.218.000	6.395.391.000	-41.827.000	-41.827.000			5.773.000.000		41.827.000		
4	ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ dự án vay vốn WB và dự án cầu Phủ Văn, thành phố Phủ Lý	Ban QLDA ĐTXD các công trình thành phố Phủ Lý	14.976.567.000	14.976.567.000	14.848.568.000	-127.999.000	-116.149.000	-11.850.000		5.691.500.000		127.999.000		
5	Dự án Xây dựng công trình HTKT Khu Đông Đáy II, thành phố Phủ Lý (phần diện tích từ ranh giới phía Bắc Khu trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp đến ranh giới dự án XD HTKT Khu Đông Đáy - Dự án 1, thành phố Phủ Lý)	Ban QLDA ĐTXD các công trình thành phố Phủ Lý	8.024.962.000	8.024.962.000	7.894.499.000	-130.463.000	-130.463.000					130.463.000		
6	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng ven sông Châu Giang, huyện Bình Lục	Ban QLDA ĐTXD các công trình thành phố Phủ Lý	35.892.036.000	35.892.036.000	34.695.261.602	-1.196.674.398		0	-1.196.674.398	34.338.112.000		621.602.071		575.072.327
	- Gói thầu số 5: Xây lắp công trình sà Trùng An		3.460.000.000	3.460.000.000	3.460.000.000	0				3.460.000.000		0		
	- Gói thầu số 6: Xây lắp công trình sà An Ninh		4.561.243.000	4.561.243.000	4.337.754.394	-223.488.606			-223.488.606	4.561.243.000		44.852.942		178.635.664

CHUNG

TT	Tên dự người đầu	Chủ đầu tư/Ban quản lý DA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán xác định	Chênh lệch	Trong đó			Cấp phát đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý			
							Sai KL	Sai ĐC, định mức	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trung thu đầu	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
-	Gợi đầu số 8: Xây lắp công trình xã Đông Du	CT Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam	3.536.414.000	3.536.414.000	3.472.460.613	-63.953.387			-63.953.387	3.536.414.000		25.891.329		38.062.057
-	Gợi đầu số 9: Xây lắp công trình các xã Bình Nghĩa, Hưng Công		16.151.678.000	16.151.678.000	15.283.521.594	-866.156.406			-866.156.406	14.597.754.000		507.781.800		358.374.606
-	Gợi đầu số 12: Xây dựng các khu mô hình tưới khoa học và đào tạo chuyển giao công nghệ		8.182.701.000	8.182.701.000	8.139.625.000	-43.076.000			-43.076.000	8.182.701.000				43.076.000
7	Dự án DTXD cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Phú Phúc huyện Lý Nhân	Ban QLDA DTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam	11.905.170.619	11.905.170.619	11.524.820.290	-380.350.329	0	0	-380.350.329	11.905.170.619		380.350.329		
-	Gợi đầu số 02		11.905.170.619	11.905.170.619	11.524.820.290	-380.350.329			-380.350.329	11.905.170.619		380.350.329		
8	Dự án xây dựng cầu Phú Vân	Ban QLDA DTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam	162.688.065.400	162.688.065.400	160.595.538.000	-2.094.527.400	0	0	-2.094.527.400	161.276.632.400	0	2.094.527.400		0
-	Gợi đầu xây lắp: Phần cầu		83.670.149.000	83.670.149.000	82.294.862.796	-1.375.286.204			-1.375.286.204	82.258.716.000		1.375.286.204		
-	Gợi đầu xây lắp: Phần tường chắn và đường 2 đầu cầu		79.017.916.400	79.017.916.400	78.298.675.204	-719.241.196			-719.241.196	79.017.916.400		719.241.196		
9	Dự án DTXD cải tạo nâng cấp đường ĐH08	Ban QLDA DTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam	33.885.788.138	33.885.788.138	33.007.635.345	-878.152.793	-169.784.527		-169.784.527	33.870.690.000		345.179.374		532.975.419
-	Gợi đầu xây lắp		33.885.788.138	33.885.788.138	33.007.635.345	-878.152.793	-169.784.527		-169.784.527	33.870.690.000		345.179.374		532.975.419
10	Dự án DTXD đường cứu hộ, cứu nạn bảo vệ dân cư miền núi xã Thanh Nguyên, Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm (ĐT.495B)	Ban QLDA DTXD công trình dân dụng và công nghiệp	5.461.121.202.535	5.429.619.456.335	5.346.363.325.950	-83.256.130.385	-64.159.751.922		-4.176.569.692	950.923.828.112	0	69.883.377.365	0	13.372.753.020
*	Chi phí XD		4.995.137.992.000	4.995.137.992.000	4.929.980.647.930	-65.157.344.070	-62.595.631.922		-2.561.712.148	574.799.740.000	0	65.137.344.070	0	0
-	Đoạn tuyến chính 1		797.227.971.000	797.227.971.000	776.654.269.000	-20.573.702.000	-20.573.702.000							
-	Đoạn tuyến chính 2		2.845.805.289.000	2.845.805.289.000	2.814.629.699.930	-31.175.589.070	-28.613.876.922		-2.561.712.148					
-	Đoạn tuyến nhánh 1		519.868.027.000	519.868.027.000	519.470.996.000	-397.041.000	-397.041.000							
-	Đoạn tuyến nhánh 2		754.407.429.000	754.407.429.000	741.396.417.000	-13.011.012.000	-13.011.012.000							
-	Đoạn tuyến nhánh 3		67.291.336.000	67.291.336.000	67.291.336.000	0	0							
-	Đoạn tuyến nhánh 4		10.537.940.000	10.537.940.000	10.537.940.000	0	0							
*	Chi phí khác (Tư vấn, QLDA, khác)		139.640.973.000	113.329.127.000	111.782.071.249	-1.547.055.751			-1.547.055.751	20.554.260.000		1.547.055.751		
*	Chi phí GPMB		326.342.237.535	321.152.337.335	304.600.606.771	-16.551.730.564	-1.564.120.000		-1.614.837.544	355.569.828.112	0	3.178.977.544	0	13.372.753.020
-	Huyện Thanh Liêm		265.022.114.463	260.088.396.463	245.325.830.027	-14.762.566.436	-1.564.120.000		-1.498.157.000	295.613.446.240	0	3.062.277.000	0	11.700.289.436
+	Chi phí đến từ GPMB		215.407.142.463	215.407.142.463	204.264.209.027	-11.142.933.436	0		0	251.763.249.240				11.142.933.436
+	Công trình di chuyển và TĐC (Chi phí xây lắp)		49.614.972.000	44.681.254.000	41.061.621.000	-3.619.633.000	-1.564.120.000		-1.498.157.000	557.356.000		3.062.277.000		357.356.000
-	Huyện Bình Lục		61.320.123.072	61.063.940.872	59.274.776.744	-1.789.164.128	0		-1.167.463.584	99.536.381.872	0	116.700.544	0	1.672.463.584
+	Chi phí đến từ GPMB		58.598.040.872	58.598.040.872	56.925.577.288	-1.672.463.584			-1.672.463.584	58.643.085.872				1.672.463.584
+	Công trình di chuyển và TĐC (Chi phí xây lắp)		2.722.082.200	2.464.135.000	2.347.434.456	-116.700.544			-116.700.544	1.313.296.000		116.700.544		
C	Giá trị dự toán, trong đó, hợp đồng còn lại		2.074.011.951.368	2.074.011.951.368	2.042.437.445.467	-31.574.505.901	-28.165.362.817		491.982.619	6.621.895.501	74.339.565	0	30.018.303.785	1.556.202.115
1	ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ dự án vay vốn WB và dự án cầu Phú Vân, thành phố Phú Lý	UBND thành phố Phú Lý/Ban QLDA	7.283.412.000	7.283.412.000	4.626.331.000	-2.657.081.000	-2.579.586.000		-77.495.000				2.657.081.000	
2	Dự án Xây dựng công trình HTKT Khu Đông Đáy II, thành phố Phú Lý (phần diện tích từ ranh giới phía Bắc Khu trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp đến ranh giới dự án XD HTKT Khu Đông Đáy - Dự án 1, thành phố Phú Lý)	ĐTXD các công trình thành phố Phú Lý	3.010.574.000	3.010.574.000	2.957.928.000	-52.646.000	-52.646.000						52.646.000	
3	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng ven sông Châu Giang, huyện Bình Lục	Ban QLDA DTXD các công trình CT Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam	6.271.517.000	6.271.517.000	5.378.412.733	-893.104.267	0	0	-893.104.267				893.104.267	
-	Gợi đầu số 0: Xây lắp công trình xã An Ninh		4.148.765.000	4.148.765.000	3.945.486.704	-203.278.296			-203.278.296				203.278.296	
-	Gợi đầu số 8: Xây lắp công trình xã Đông Du		608.629.000	608.629.000	608.629.000	0			-608.629.000				608.629.000	
-	Gợi đầu số 9: Xây lắp công trình các xã Bình Nghĩa, Hưng Công		1.514.123.000	1.514.123.000	1.432.926.029	-81.196.971			-81.196.971				81.196.971	
4	Dự án DTXD cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Phú Phúc huyện Lý Nhân	Ban QLDA DTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam	45.442.728.381	45.442.728.381	43.990.909.061	-1.451.819.320	0	0	-1.451.819.320				1.451.819.320	
-	Gợi đầu số 03		45.442.728.381	45.442.728.381	43.990.909.061	-1.451.819.320			-1.451.819.320				1.451.819.320	
5	Dự án xây dựng cầu Phú Vân	Ban QLDA DTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam	42.271.124.364	42.271.124.364	20.394.392.541	-21.876.731.822	-20.901.014.541		880.484.834	6.621.895.501	74.339.565	0	20.320.529.707	1.556.202.115
-	Gợi đầu xây lắp: Phần cầu		2.918.972.236	2.918.972.236	0	-2.918.972.236			-2.918.972.236				2.918.972.236	
-	Gợi đầu xây lắp: Phần tường chắn và đường 2 đầu cầu		30.556.756.247	30.556.756.247	13.155.198.776	-17.401.557.471	-20.901.014.541		3.499.457.071				17.401.557.471	
-	Chi phí khác		8.795.395.880	8.795.395.880	7.239.193.765	-1.556.202.115			-1.556.202.115	6.621.895.501	74.339.565			1.556.202.115
6	Dự án DTXD cải tạo nâng cấp đường ĐH08	Ban QLDA DTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam	41.807.124.623	41.807.124.623	41.771.347.590	-35.777.233	-24.770.017		-11.007.215	0			35.777.233	

TT	Tên dự án/gói thầu	Chủ đầu tư/Ban quản lý DA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán xác định	Chênh lệch	Trong đó			Cấp phát đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý			
							Sai KL	Sai ĐG, định mức	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
-	Gói thầu xây lắp		41.807.124.623	41.807.124.623	41.771.347.390	-35.777.233	-24.770.017	-11.007.215					35.777.233	
7	Dự án ĐTXD đường cứu hộ, cứu nạn bảo vệ dân cư miền núi xã Thanh Nguyên, Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm (ĐT.495B)	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	1.927.925.471.000	1.927.925.471.000	1.923.318.124.742	-4.607.346.258	-4.607.346.258	0	0	0	0	0	4.607.346.258	0
*	Chi phí XD		1.927.925.471.000	1.927.925.471.000	1.923.318.124.742	-4.607.346.258	-4.607.346.258	0	0	0	0	0	4.607.346.258	0
-	Đoạn tuyến chính 1		51.469.949.000	51.469.949.000	51.469.949.000									
-	Đoạn tuyến chính 2		1.336.962.171.000	1.336.962.171.000	1.332.354.824.742	-4.607.346.258	-4.607.346.258						4.607.346.258	
-	Đoạn tuyến nhánh 1		416.201.998.000	416.201.998.000	416.201.998.000									
-	Đoạn tuyến nhánh 2		105.734.845.000	105.734.845.000	105.734.845.000									
-	Đoạn tuyến nhánh 3		8.522.210.000	8.522.210.000	8.522.210.000									
-	Đoạn tuyến nhánh 4		9.034.298.000	9.034.298.000	9.034.298.000									

Chi chú:

- A Tổng số kiến nghị xử lý tài chính tăng 74.339.565đ so với tổng số chênh lệch do thanh toán vượt chi phí bảo hiểm công trình ở dự án cầu Phú Vân (bảo hiểm toàn bộ công trình nhưng giai đoạn 2 dự án cắt giảm không thực hiện)
 B Sai khác và kiến nghị

STT	Nội dung	Nguyên nhân sai khác	Giá trị	Nội dung kiến nghị
B1	Giá trị sai khác và kiến nghị khác		16.321.171.882	
I	UBND thành phố Phủ Lý/Ban QLDA ĐTXD các công trình thành phố Phủ Lý		117.173.000	
1	Dự án Đầu tư xây dựng giai đoạn 1 công trình khu đền thờ các anh hùng Liệt sỹ và di tích lịch sử văn hóa tỉnh Hà Nam: Công tác văn khuôn cọc, công tác lát sân.	Chênh lệch khối lượng văn khuôn cọc: 78.659.000đ do chưa đủ căn cứ tính diện tích mặt tiếp với nền. Công tác lát sân 38.514.000đ, Chưa đủ căn cứ tính lớp vữa lót trong công tác lát sân khi đã có lớp cát gia cố xi măng 6%	117.173.000	Bổ sung các tài liệu chi tiết làm căn cứ xác định như: Bản vẽ hoàn công chi tiết văn khuôn cọc, nghiệm thu chi tiết công việc lắp dựng văn khuôn cọc; biên bản nghiệm thu chi tiết các thành phần công việc công tác lát.
II	BQLDA ĐTXD công trình - UBND huyện Kim Bảng		166.998.000	
1	Dự án Khu thể thao huyện Kim Bảng	Do thiết kế, hoàn công chưa quy định lát đá bậc tam cấp lát đá Granit tự nhiên hay đá granit nhân tạo; đèn chiếu sáng sân chưa quy định rõ ràng là bóng 1000W; cáp đầu nối 2x2,5mm, và ống nhựa PPR nối bằng p/p hàn, dài 6 m, ØK 50 mm chưa quy định rõ ràng vị trí đầu nối	166.998.000	Đề nghị kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ hoàn công và xác định lại chi phí đối với các công tác chưa quy định quy cách vật liệu, vị trí đầu nối
III	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam		575.072.327	
1	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng ven sông Châu Giang, huyện Bình Lục		575.072.327	
-	Gói thầu số 6: Xây lắp công trình xã An Ninh		178.635.664	
-	Gói thầu số 8: Xây lắp công trình xã Đông Du	Bản vẽ thiết kế và bản vẽ hoàn công không thể hiện chi tiết để tính toán khối lượng phần phá dỡ kết cấu gạch đá bằng búa cần	38.062.057	Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ thủ tục làm cơ sở thanh toán theo quy định
-	Gói thầu số 9: Xây lắp công trình các xã Bình Nghĩa, Hương Công		358.374.606	
IV	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam		2.089.175.534	
1	Dự án xây dựng cầu Phú Vân			
-	Chi phí khác	Giảm do không thực hiện và tính lại chi phí	1.556.202.115	Điều chỉnh giảm dự toán
-	Chi phí thẩm tra dự toán	Giảm dự toán do thực tế không thực hiện	56.310.724	
-	Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình	Giảm dự toán do thực tế không thực hiện	780.333.397	
-	Chi phí giám sát thi công công trình	Giảm dự toán do tính lại chi phí giám sát theo quy định	719.357.994	
2	Dự án ĐTXD cải tạo nâng cấp đường ĐHQH		532.973.419	Đề nghị chủ đầu tư kiểm tra, hoàn công xác định theo thực tế và chịu trách nhiệm về tính chính xác của giá trị khối lượng nghiệm thu, quyết toán.
-	Gói thầu xây lắp	Do hồ sơ thiết kế BVTX không có bản vẽ thể hiện cấu tạo, kích thước công tác sản xuất, lắp dựng và tháo dỡ hệ đá giáo thi công hạng mục 02 công việc.	532.973.419	
V	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp		13.372.753.020	
1	Dự án ĐTXD đường cứu hộ, cứu nạn bảo vệ dân cư miền núi xã Thanh Nguyên, Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm (ĐT.495B)		13.372.753.020	
-	Chi phí GPMB	Do chưa thành lập Hội đồng thẩm định giá, Chưa có hồ sơ gốc xác định nguồn gốc hình thành tài sản của các doanh nghiệp, tổ chức; Chưa có hồ sơ tài liệu liên quan đến thông tin về tài sản định giá bồi thường (huyện Thanh Liêm: 10.695.352.094; huyện Bình Lục: 1.672.463.384)	12.368.015.678	Hoàn thiện thủ tục hồ sơ, kiểm tra xác định lại để xử lý tài chính theo quy

TT	Tên dự án/gói thầu	Chủ đầu tư/Ban quản lý DA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán xác định	Chênh lệch	Trong đó			Cấp phát đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý			
							Sai KL	Sai ĐC, định mức	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
										447.381.342				
										557.356.000				
										2.549.008.151				
										1.547.055.751				
										1.547.055.751				
B2	Sai khác kiến nghị giảm cấp phát, thanh toán									1.547.055.751			Kiến nghị giảm cấp phát thanh toán	
I	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp									1.001.952.400				
	Dự án Đ1 XD đường cầu họ, cầu nan đào vệ dân cư miền núi xã 1 hành Nguyễn, 1 hành Nghi, huyện 1 hành Liêm (ĐT 4958)													
	- Chi phí khác (Tư vấn, QLDA, khác)													
II	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam													
	1 Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng ven sông Châu Giang, huyện Bình Lục									621.602.071			Giảm cấp phát thanh toán	
	2 Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Phú Phúc huyện Lý Nhân									380.350.329				
B3	Sai khác kiến nghị giảm giá trúng thầu, dự toán hợp đồng còn lại									2.344.923.587				
I	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam									2.344.923.587				
	1 Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng ven sông Châu Giang, huyện Bình Lục									893.104.267			Giảm giá trúng thầu và hợp đồng còn lại	
	2 Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Phú Phúc huyện Lý Nhân									1.451.819.320				

Do đơn giá bồi thường theo từng các phương án chưa có sự đồng nhất; đơn giá bồi thường chưa loại trừ các khoản lương theo phụ cấp lưu động, phụ cấp không ổn định sản xuất, lương khoán, ...
Do không có hồ sơ nghiệm thu, không có hồ sơ chất lượng, không có nhật ký thi công, Đơn vị thi công đã bỏ không thi công, chỉ có bằng khối lượng do Ban GPMB và đơn vị giám sát xác nhận

Sai số học chi phí khác

Tính sai khối lượng, đơn giá và dự phòng phát sinh khối lượng trong giá gói thầu được duyệt, dẫn đến giá trúng thầu vượt giá gói thầu

Tính sai khối lượng, đơn giá và dự phòng phát sinh khối lượng trong giá gói thầu được duyệt, dẫn đến giá trúng thầu vượt giá gói thầu

TT	Tên dự án/gói thầu	Số thực hiện của đơn vị				Số kiến nghị chưa thực hiện			
		Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác	Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác
(1)	(2)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
	Tổng cộng	375.553.000	69.557.674.401	27.922.078.232	117.173.000	74.339.565	4.685.440.138	2.096.225.553	16.203.998.882
A	Giá trị quyết toán phê duyệt	375.553.000	350.961.000	0	117.173.000	0	0	0	166.998.000
1	Đầu tư xây dựng giai đoạn I công trình khu đền thờ các anh hùng liệt sỹ và di tích lịch sử văn hóa tỉnh Hà Nam	133.349.000	38.514.000	0	117.173.000	0	0	0	0
-	Gói thầu xây lắp	133.349.000	38.514.000	0	117.173.000	0	0	0	0
2	Dự án Xây dựng đường DH 04 (đoạn từ QL21B đến đường N8-2) thị trấn Quế, huyện Kim Bảng	70.183.000	0	0	0	0	0	0	0
-	Chi phí XD	70.183.000				0	0	0	0
-	Chi phí khác (tư vấn, QLDA, khác)					0	0	0	0
3	Dự án Nhà làm việc các cơ quan Huyện ủy-HĐND-UBND huyện Kim Bảng	71.030.000	-	-	0	-	-	-	0
-	Chi phí XD	71.030.000				-	-	-	0
-	Chi phí khác (tư vấn)					-	-	-	0
4	Dự án Các hạng mục phụ trợ khu Trụ sở Huyện ủy - UBND huyện Kim Bảng	92.581.000	0	0	0	0	0	0	0
-	Chi phí XD	92.581.000				0	0	0	0
-	Chi phí khác (tư vấn, QLDA, khác)					0	0	0	0
5	Dự án Khu thể thao huyện Kim Bảng	8.410.000	0	0	0	0	0	0	166.998.000
-	Chi phí XD	8.410.000				0	0	0	166.998.000
-	Chi phí khác (tư vấn, QLDA, khác)					0	0	0	0
6	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo đường ngang tạm tại Km52+112 tuyến đường sắt HN-TP. HCM thành đường ngang cấp I, sử dụng lâu dài	0	170.342.000	0	0	0	0	0	0
-	Chi phí XD		170.342.000			0	0	0	0
-	Chi phí GPMB					0	0	0	0
-	Chi phí khác (Tư vấn, QLDA, khác)					0	0	0	0
7	Dự án xây dựng đường ngang tạm có người gác sử dụng có thời hạn tại Km52+112 tuyến đường sắt HN-TP.HCM để phục vụ thi công hệ thống đường giao thông và Khu liên hợp thể thao tỉnh Hà Nam	0	142.105.000	0	0	0	0	0	0
-	Chi phí XD		142.105.000			0	0	0	0

TT	Tên dự án/gói thầu	Số thực hiện của đơn vị				Số kiến nghị chưa thực hiện			
		Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác	Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác
(1)	(2)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
-	Chi phí GPMB					0	0	0	0
-	Chi phí khác (Tư vấn, QLDA, khác)					0	0	0	0
B	Giá trị nghiệm thu, quyết toán A-B	0	69.206.713.401	0	0	0	4.685.440.138	0	14.480.798.766
1	Dự án Nâng cấp, xây dựng Trường mầm non Lương Khánh Thiện, thành phố Phù Lý	0	166.722.000	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu xây lắp		166.722.000			0	0	0	0
2	Dự án Nâng cấp, xây dựng trường Tiểu học Lương Khánh Thiện, thành phố Phù Lý	0	100.106.000	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu xây lắp		100.106.000			0	0	0	0
3	Dự án Xây dựng tuyến đường Trần Quang Khải, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phù Lý	0	41.827.000	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu xây lắp		41.827.000			0	0	0	0
4	ĐT XD Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ dự án vay vốn WB và dự án cầu Phù Vân, thành phố Phù Lý		127.999.000			0	0	0	0
5	Dự án Xây dựng công trình HTKT Khu Đông Đáy II, thành phố Phù Lý (phần diện tích từ ranh giới phía Bắc Khu trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp đến ranh giới dự án XD HTKT Khu Đông Đáy - Dự án 1, thành phố Phù Lý)		130.463.000			0	0	0	0
6	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng ven sông Châu Giang, huyện Bình Lục	0	552.634.741	0	0	0	68.967.329	0	575.072.327
-	Gói thầu số 5: Xây lắp công trình xã Tràng An					0	0	0	0
-	Gói thầu số 6: Xây lắp công trình xã An Ninh		44.852.942			0	0	0	178.635.664
-	Gói thầu số 8: Xây lắp công trình xã Đông Du					0	25.891.329	0	38.062.057
-	Gói thầu số 9: Xây lắp công trình các xã Bình Nghĩa, Hưng Công		507.781.800			0	0	0	358.374.606
-	Gói thầu số 12: Xây dựng các khu mô hình tưới khoa học và đào tạo chuyển giao công nghệ					0	43.076.000	0	0
7	Dự án ĐT XD cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Phú Phúc huyện Lý Nhân	0	0	0	0	0	380.350.329	0	0
-	Gói thầu số 03					0	380.350.329	0	0
8	Dự án xây dựng cầu Phù Vân	0	2.094.527.400	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu xây lắp: Phần cầu		1.375.286.204			0	0	0	0

TT	Tên dự án/gói thầu	Số thực hiện của đơn vị				Số kiến nghị chưa thực hiện			
		Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác	Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác
(1)	(2)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
-	Gói thầu xây lắp: Phần tường chắn và đường 2 đầu cầu		719.241.196			0	0	0	0
9	Dự án ĐTXD cải tạo nâng cấp đường ĐH08	0	0	0	0	0	345.179.374	0	532.973.419
-	Gói thầu xây lắp					0	345.179.374	0	532.973.419
10	Dự án ĐTXD đường cứu hộ, cứu nạn bảo vệ dân cư miền núi xã Thanh Nguyên, Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm (ĐT.495B)	0	65.992.434.260	0	0	0	3.890.943.105	0	13.372.753.020
*	Chi phí XD		65.157.344.070			0	0	0	0
-	Đoạn tuyến chính 1					0	0	0	0
-	Đoạn tuyến chính 2					0	0	0	0
-	Đoạn tuyến nhánh 1					0	0	0	0
-	Đoạn tuyến nhánh 2					0	0	0	0
-	Đoạn tuyến nhánh 3					0	0	0	0
-	Đoạn tuyến nhánh 4					0	0	0	0
*	Chi phí khác (Tư vấn, QLDA, khác)		835.090.190			0	711.965.561	0	0
*	Chi phí GPMB					0	3.178.977.544	0	13.372.753.020
-	Huyện Thanh Liêm					0	3.062.277.000	0	11.700.289.436
+	Chi phí đền bù GPMB					0	0	0	11.142.933.436
+	Công trình di chuyển và TĐC (Chi phí xây lắp)					0	3.062.277.000	0	557.356.000
-	Huyện Bình Lục					0	116.700.544	0	1.672.463.584
+	Chi phí đền bù GPMB					0	0	0	1.672.463.584
+	Công trình di chuyển và TĐC (Chi phí xây lắp)					0	116.700.544	0	0
C	Giá trị dự toán, trúng thầu, hợp đồng còn lại	0	0	27.922.078.232	0	74.339.565	0	2.096.225.553	1.556.202.115
1	ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ dự án vay vốn WB và dự án cầu Phù Vân, thành phố Phủ Lý			2.657.081.000		0	0	0	0

TT	Tên dự án/gói thầu	Số thực hiện của đơn vị				Số kiến nghị chưa thực hiện			
		Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác	Thu hồi	Giảm cấp phát thanh toán	Giảm giá trúng thầu	Khác
(1)	(2)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
2	Dự án Xây dựng công trình HTKT Khu Đông Đáy II, thành phố Phú Lý (phần diện tích từ ranh giới phía Bắc Khu trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp đến ranh giới dự án XD HTKT Khu Đông Đáy - Dự án 1, thành phố Phú Lý)			52.646.000		0	0	0	0
3	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng ven sông Châu Giang, huyện Bình Lục	0	0	284.475.267	0	0	0	608.629.000	0
-	Gói thầu số 6: Xây lắp công trình xã An Ninh			203.278.296		0	0	0	0
-	Gói thầu số 8: Xây lắp công trình xã Đông Du					0	0	608.629.000	0
-	Gói thầu số 9: Xây lắp công trình các xã Bình Nghĩa, Hưng Công			81.196.971		0	0	0	0
4	Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Phú Phúc huyện Lý Nhân	0	0	0	0	0	0	1.451.819.320	0
-	Gói thầu số 03					0	0	1.451.819.320	0
5	Dự án xây dựng cầu Phú Vân	0	0	20.320.529.707	0	74.339.565	0	0	1.556.202.115
-	Gói thầu xây lắp: Phần cầu			2.918.972.236		0	0	0	0
-	Gói thầu xây lắp: Phần tường chắn và đường 2 đầu cầu			17.401.557.471		0	0	0	0
-	Chi phí khác					74.339.565	0	0	1.556.202.115
6	Dự án ĐTXD cải tạo nâng cấp đường ĐH08	0	0	0	0	0	0	35.777.233	0
-	Gói thầu xây lắp					0	0	35.777.233	0
7	Dự án ĐTXD đường cứu hộ, cứu nạn bảo vệ dân cư miền núi xã Thanh Nguyên, Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm (ĐT.495B)	0	0	4.607.346.258	0	0	0	0	0
*	Chi phí XD	0	0	4.607.346.258	0	0	0	0	0
-	Đoạn tuyến chính 1					0	0	0	0
-	Đoạn tuyến chính 2			4.607.346.258		0	0	0	0
-	Đoạn tuyến nhánh 1					0	0	0	0
-	Đoạn tuyến nhánh 2					0	0	0	0
-	Đoạn tuyến nhánh 3					0	0	0	0
-	Đoạn tuyến nhánh 4					0	0	0	0

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NSNN NĂM 2017 TẠI TỈNH HÀ NAM

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị được kiểm toán	Mã số thuế	Kiến nghị của kiểm toán												
			Tổng cộng	Tăng thu thuế					Thu bảo vệ và PT đất trồng lúa nước	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Thu hồi hoàn thuế GTGT	Giảm phải thu NSNN	Giảm phải nộp NSNN	Giảm lỗ chuyển năm sau	
				Tổng cộng	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế tài nguyên	Thuế TNCN							Phí môi trường
A	B	C	1=(2+8+9+10+11)	2=(3+...+7)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)		21.432.523.103	10.266.680.293	1.418.986.662	7.603.864.348	14.760.000	0	1.229.069.283	83.175.000	5.440.645.168	5.437.851.494	204.171.148	68.043.694	2.781.335.913
A	CỤC THUẾ		18.069.881.994	9.326.595.460	1.139.342.571	6.943.423.606	14.760.000		1.229.069.283	0	3.305.435.040	5.437.851.494	0	68.043.694	583.975.920
1	Doanh nghiệp đối chiếu thuế		8.934.285.339	5.628.850.299	111.979.071	4.544.469.478	12.000.000		960.401.750	0	3.305.435.040	5.437.851.494	0	68.043.694	583.975.920
1	Công ty cổ phần Gạch Khang Minh	0700510750	80.260.167	80.260.167	48.318.182	31.941.985									
2	Công ty TNHH Việt Phương Hà Nam	0700227197	350.824.020	350.824.020		350.824.020									
3	Công ty TNHH Thủy Long Hà Nam	0700644627	383.008.870	5.790.576		5.790.576					377.218.294				
4	Công ty TNHH Thái Sơn	0700207539	50.091.142	50.091.142		50.091.142									
5	Công ty cổ phần HACERA	0700518439	31.635.591	31.635.591	9.372.713	22.262.878									
6	Công ty TNHH Thanh Sơn	0700298328	18.315.252	18.315.252		18.315.252									
7	Công ty Cổ phần 199	0700236000	20.510.807	20.510.807		20.510.807									
8	Công ty TNHH Kim Thành	0700231958	344.808.727	0							344.808.727				
9	Công ty TNHH Thăng Lợi Thanh Liêm	0700100070	1.554.833.619	69.436.711		69.436.711					1.485.396.908				
10	Công ty cổ phần khoáng sản Lộc Hà	0700242396	82.263.726	13.250.000			12.000.000		1.250.000		69.013.726				583.975.920
11	Công ty TNHH Khánh Hồng	0700257258	72.276.652	72.019.373	54.288.176	17.731.197					257.279				
12	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam	0700540547	142.014.535	142.014.535		142.014.535									
13	Công ty Cổ phần Phát triển Hà Nam	0700224446	1.857.540.258	1.857.540.258		1.857.540.258									
14	Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hải Lý	0700100458	358.897.029	34.817.286		34.817.286					324.079.743				
15	Công ty TNHH Tân Thủy	0700226161	959.151.750	959.151.750					959.151.750					68.043.694	
16	Công ty TNHH XD và Vận tải Minh Hùng	0700634611	39.360.000	39.360.000		39.360.000									
17	Công ty TNHH bê tông đúc sẵn Hà Nam	0700208010	19.040.000	19.040.000		19.040.000									
18	Công ty cổ phần xây dựng Lepro Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	0106109818-00	687.000.000	0							687.000.000				
19	Công ty TNHH Đại Hoàng	0700317394	22.141.168	11.260.805		11.260.805					10.880.363				
20	Công ty TNHH Xây dựng thương mại Trường Linh	0700639948	20.340.000	13.560.000		13.560.000					6.780.000				
21	Công ty cổ phần xây dựng Minh Anh	0700238978	1.839.972.026	1.839.972.026		1.839.972.026									
II	Doanh nghiệp đối chiếu hoàn thuế		9.135.596.655	3.697.745.161	1.027.363.500	2.398.954.128	2.760.000		268.667.533	0	0	5.437.851.494	0		0
1	Công ty TNHH Dệt Hà Nam	0700101268	399.479.185	386.703.517		386.703.517						12.775.668			
2	Công ty cổ phần xi măng Thăng Thắng Group	0700651198	2.911.191.311	2.911.191.311	1.026.225.000	1.884.966.311									
3	Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	0700253609	160.647.421	0								160.647.421			
4	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng VIETCOM Hà Nam	0700640005	5.233.085.655	0								5.233.085.655			
5	Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long	0700222569	431.193.083	399.850.333	1.138.500	127.284.300	2.760.000		268.667.533			31.342.750			
B	TP PHU LÝ		2.194.309.255	244.138.347	0	244.138.347	0		0	0	1.950.170.908	0			
1	Công ty TNHH Xây Dựng Xuân Hùng	0700237131	31.073.037	31.073.037		31.073.037									
2	Công ty Cổ phần Đức Anh	0700220258	403.118.272	0							403.118.272				

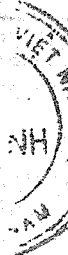
STT	Tên đơn vị được kiểm toán	Mã số thuế	Kiểm nghị của kiểm toán												
			Tổng cộng	Tăng thu thuế					Thu bảo vệ và PT đất trồng lúa nước	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Thu hồi hoàn thuế GTGT	Giảm phải thu NSNN	Giảm phải nộp NSNN	Giảm lỗ chuyển năm sau	
				Tổng cộng	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế tài nguyên	Thuế TNCN							Phí môi trường
A	B	C	1=(2+8+9+10+11)	2=(3+...+7)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đức Cường	0700510736	68.590.800	68.590.800		68.590.800									
4	Công ty TNHH Quang Khải	0700226027	24.650.000	24.650.000		24.650.000									
5	Công ty TNHH Thanh Tuyền	0700297317	30.071.130	30.071.130		30.071.130									
6	Công ty TNHH Xây dựng Quang Thành	0700454369	1.547.052.636	0							1.547.052.636				
7	Công ty Cổ phần Hạ tầng Nam Sơn	0700521329	69.059.800	69.059.800		69.059.800									
8	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoa Thơm	0700236970	20.693.580	20.693.580		20.693.580									
C	HUYỆN KIM BANG		660.479.181	271.268.813	255.270.374	15.998.439	0		0	0	185.039.220	0	204.171.148		2.197.359.993
1	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Công trình Trường Thịnh	0700187240	0	0											84.980.000
2	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Anh Anh	070065437	45.247.106	0							45.247.106				
3	Công ty xây dựng công trình Quyết Thắng	0700206736	127.172.000	113.743.522	113.743.522						13.428.478				
4	Công ty Cổ phần Vĩnh Sơn	0700228592	15.028.346	15.028.346		15.028.346									
5	Công ty TNHH Vũng Phúc	0700261688	127.333.729	970.093		970.093					126.363.636				
6	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thanh Sơn	0700432397	345.698.000	141.526.852	141.526.852								204.171.148		
7	Công ty TNHH Vật liệu BATA	0700774432	0	0											1.105.670.071
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1 - 5	0700252556	0	0											1.006.709.922
D	SỞ GIAO DỤC ĐÀO TẠO														
1	Trường THPT Chuyên Biên Hòa		44.240.000	44.240.000					44.240.000						
D	SỞ Y TẾ		424.677.673	424.677.673	24.373.717	400.303.956									
1	Văn phòng Sở		17.440.000	17.440.000	8.720.000	8.720.000									
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh		364.327.085	364.327.085	15.313.717	349.013.368									
3	Bệnh viện Sản Nhi		42.910.588	42.910.588	340.000	42.570.588									
E	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		83.175.000								83.175.000				
	Tính thu tiền Bảo vệ và phát triển đất trồng lúa nước năm 2017		83.175.000	0							83.175.000				
1	Công ty TNHH xăng dầu Thiên Phú Hà Nam	0700764508	83.175.000	0							83.175.000				

STT	Tên đơn vị được kiểm toán	Số thực hiện của đơn vị												
		Tổng cộng	Tăng thu thuế					Thu bảo vệ và PT đất trồng lúa nước	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Thu hồi hoàn thuế GTGT	Giảm phải thu NSNN	Giảm phải nộp NSNN	Giảm lỗ chuyển năm sau	
			Tổng cộng	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế tài nguyên	Thuế TNCN							Phi môi trường
A	B	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
6	Công ty TNHH Xây dựng Quang Thành	1.547.052.636	0							1.547.052.636				
7	Công ty Cổ phần Hạ tầng Nam Sơn	69.059.800	69.059.800		69.059.800									
8	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoa Thom	20.693.580	20.693.580		20.693.580									
C	HUYỆN KIM BANG	502.953.890	113.743.522	113.743.522	0	0		0	0	185.039.220	0	204.171.148		2.197.359.993
1	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Công trình Trường Thịnh	0	0											84.980.000
2	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Anh Anh	45.247.106	0							45.247.106				
3	Công ty xây dựng công trình Quyết Thắng	127.172.000	113.743.522	113.743.522						13.428.478				
4	Công ty Cổ phần Vĩnh Sơn	0	0											
5	Công ty TNHH Vũng Phúc	126.363.636	0							126.363.636				
6	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thanh Sơn	204.171.148	0									204.171.148		
7	Công ty TNHH Vật liệu BATA	0	0											1.105.670.071
8	Công ty Cổ phần Xây dựng 1 - 5	0	0											1.006.709.922
D	SỞ GIAO DỤC ĐÀO TẠO													
1	Trường THPT Chuyên Biên Hòa	44.240.000	44.240.000					44.240.000						
D	SỞ Y TẾ	424.677.673	424.677.673	24.373.717	400.303.956									
1	Văn phòng Sở	17.440.000	17.440.000		8.720.000									
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	364.327.085	364.327.085		15.313.717									
3	Bệnh viện Sản Nhi	42.910.588	42.910.588		340.000									
E	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	83.175.000								83.175.000				
	Tính thu tiền Bảo vệ và phát triển đất trồng lúa nước năm 2017	83.175.000								83.175.000				
1	Công ty TNHH xăng dầu Thiên Phú Hà Nam	83.175.000	0							83.175.000				

XHCN
SỞ
TÀI CHÍNH
HÀ NAM

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị được kiểm toán	Số kiến nghị chưa thực hiện												
		Tổng cộng	Tăng thu thuế						Thu bảo vệ và PT đất trồng lúa nước	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Thu hồi hoàn thuế GTGT	Giảm phải thu NSNN	Giảm phải nộp NSNN	Giảm lỗ chuyển năm sau
			Tổng cộng	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế tài nguyên	Thuế TNCCN	Phí môi trường						
A	B	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)	12.285.797.206	9.552.711.551	1.280.869.423	7.028.012.845	14.760.000	0	1.229.069.283	0	0	2.733.085.655	0	68.043.694	0
A	CỤC THUẾ	12.059.681.115	9.326.595.460	1.139.342.571	6.943.423.606	14.760.000	0	1.229.069.283	0	0	2.733.085.655	0	68.043.694	0
I	Doanh nghiệp đối chiếu thuế	5.628.850.299	5.628.850.299	111.979.071	4.544.469.478	12.000.000	0	960.401.750	0	0	0	0	68.043.694	0
1	Công ty cổ phần Gạch Khang Minh	80.260.167	80.260.167	48.318.182	31.941.985	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Việt Phương Hà Nam	350.824.020	350.824.020	0	350.824.020	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Thủy Long Hà Nam	5.790.576	5.790.576	0	5.790.576	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Thái Sơn	50.091.142	50.091.142	0	50.091.142	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Công ty cổ phần HACERA	31.635.591	31.635.591	9.372.713	22.262.878	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Công ty TNHH Thanh Sơn	18.315.252	18.315.252	0	18.315.252	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Công ty Cổ phần 199	20.510.807	20.510.807	0	20.510.807	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Công ty TNHH Kim Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Công ty TNHH Thăng Lợi Thanh Liêm	69.436.711	69.436.711	0	69.436.711	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Công ty cổ phần khoáng sản Lộc Hà	13.250.000	13.250.000	0	0	12.000.000	0	1.250.000	0	0	0	0	0	0
11	Công ty TNHH Khánh Hồng	72.019.373	72.019.373	54.288.176	17.731.197	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam	142.014.535	142.014.535	0	142.014.535	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Công ty Cổ phần Phát triển Hà Nam	1.857.540.258	1.857.540.258	0	1.857.540.258	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hải Lý	34.817.286	34.817.286	0	34.817.286	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Công ty TNHH Tân Thủy	959.151.750	959.151.750	0	0	0	0	959.151.750	0	0	0	0	68.043.694	0
16	Công ty TNHH XD và Vận tải Minh Hùng	39.360.000	39.360.000	0	39.360.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Công ty TNHH bê tông đúc sẵn Hà Nam	19.040.000	19.040.000	0	19.040.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Công ty cổ phần xây dựng Lepro Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Công ty TNHH Đại Hoàng	11.260.805	11.260.805	0	11.260.805	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Công ty TNHH Xây dựng thương mại Trường Linh	13.560.000	13.560.000	0	13.560.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Công ty cổ phần xây dựng Minh Anh	1.839.972.026	1.839.972.026	0	1.839.972.026	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Doanh nghiệp đối chiếu hoàn thuế	6.430.830.816	3.697.745.161	1.027.363.500	2.398.954.128	2.760.000	0	268.667.533	0	0	2.733.085.655	0	0	0
1	Công ty TNHH Dệt Hà Nam	386.703.517	386.703.517	0	386.703.517	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công ty cổ phần xi măng Thành Thăng Group	2.911.191.311	2.911.191.311	1.026.225.000	1.884.966.311	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng VIETCOM Hà Nam	2.733.085.655	0	0	0	0	0	0	0	0	2.733.085.655	0	0	0
5	Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long	399.850.333	399.850.333	1.138.500	127.284.300	2.760.000	0	268.667.533	0	0	0	0	0	0
B	TP PHÙ LÝ	68.590.800	68.590.800	0	68.590.800	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Công ty TNHH Xây Dựng Xuân Hùng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
2	Công ty Cổ phần Đức Anh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đức Cường	68.590.800	68.590.800	0	68.590.800	0	0	0	0	0	-	-	-	-
4	Công ty TNHH Quang Khai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
5	Công ty TNHH Thanh Tuyền	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-



THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017 TẠI TỈNH HÀ NAM

0

Đơn vị tính: đồng

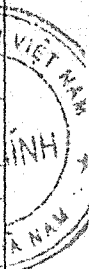
STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Mã số thuế	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
	TỔNG CỘNG (I+.....+ IX)		21.432.523.103	9.146.725.897	12.285.797.206	
I	Tăng thu thuế GTGT		1.418.986.662	138.117.239	1.280.869.423	
	Văn phòng Cục		1.139.342.571	0	1.139.342.571	
1	Công ty TNHH Khánh Hồng	0700257258	54.288.176		54.288.176	Thuế GTGT còn phải nộp tăng 54.288.176đ do đơn vị có vận chuyển đá 1x2 cho Công ty TNHH Thăng Lan đã có nghiệm thu nhưng đơn vị chưa kê khai thuế GTGT
2	Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long	0700222569	1.138.500		1.138.500	Truy thu thuế nhà thầu của MMTB nhập khẩu(Theo TT số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 Hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam)
3	Công ty cổ phần Gạch Khang Minh	0700510750	48.318.182		48.318.182	Thuế GTGT phải nộp tăng do giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
4	Công ty cổ phần HACERA	0700518439	9.372.713		9.372.713	Thuế GTGT phải nộp tăng do giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
5	Công ty cổ phần xi măng Thành Thăng Group	0700651198	1.026.225.000		1.026.225.000	Thu thuế GTGT của nhà thầu nước ngoài đối với thu nhập từ cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế tại Việt Nam (Theo TT số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 Hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam)
	Huyện Kim Bảng		255.270.374	113.743.522	141.526.852	
6	Công ty xây dựng công trình Quyết Thăng	0700206736	113.743.522	113.743.522	0	Do chưa kê khai thuế GTGT đầu ra tương ứng với khối lượng nghiệm thu đến 31/12/2017.
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thanh Sơn	700.432.397	141.526.852		141.526.852	Do chưa kê khai thuế GTGT đầu ra tương ứng với khối lượng nghiệm thu đến 31/12/2017.
	SỞ Y TẾ		24.373.717	24.373.717	0	
8	Văn phòng Sở		8.720.000	8.720.000	0	Thu tiền bán hồ sơ mời thầu chưa nộp thuế 2%* 418.560.000đ= 8.720.000đ
9	Bệnh viện Đa khoa tỉnh		15.313.717	15.313.717	0	Thuế GTGT Bệnh viện kê khai thiếu của năm 2016: 2.368.707đ và năm 2017 thiếu 12.945.010đ
10	Bệnh viện Sản Nhi		340.000	340.000	0	Thu tiền bán hồ sơ mời thầu chưa nộp thuế 17.000.000*2%= 340.000đ
II	Tăng thu thuế TNDN		7.603.864.348	575.851.503	7.028.012.845	
	Văn phòng Cục		6.943.423.606	0	6.943.423.606	
1	Công ty TNHH Thăng Lợi Thanh Liêm	0700100070	69.436.711		69.436.711	Do xác định thu nhập chịu thuế đối với giá trị doanh thu đã nghiệm thu khối lượng nhưng chưa kê khai trong năm

STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Mã số thuế	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
2	Công ty TNHH bê tông đúc sẵn Hà Nam	0700208010	19.040.000		19.040.000	Do loại khỏi chi phí tính thuế TNDN năm 2017 các khoản chi phí tiền lương của một số lao động chứng từ thanh toán không hợp lệ so với bảng chấm công
3	Công ty Cổ phần 199	0700236000	20.510.807		20.510.807	Do đơn vị trích vượt tiền lương tháng 13 là 61.954.036đ và Do đơn vị chi tiền 22/12 không có trong qui chế và thỏa ước lao động tập thể: 40.600.000đ
4	Công ty TNHH Khánh Hồng	0700257258	17.731.197		17.731.197	do đơn vị có vận chuyển đá 1x2 cho Công ty TNHH Thăng Lan đã có nghiệm thu nhưng đơn vị chưa xác định doanh thu giá vốn
5	Công ty TNHH Xây dựng thương mại Trường Linh	0700639948	13.560.000		13.560.000	do loại giá vốn phần chi phí có chứng từ không hợp lý (nhập kho không đúng loại hàng hóa đã mua trên hóa đơn)
6	Công ty TNHH Dệt Hà Nam	0700101268	386.703.517		386.703.517	Giảm chi phí trong kỳ số tiền 1.946.293.253đ do đơn vị xử lý khoản công nợ của Công ty TNHH Sản xuất Hà Thanh chưa đúng qui định và Tăng chi phí trong kỳ số tiền 12.775.669đ do giảm thuế GTGT đầu vào đơn vị phân bổ chưa đầy đủ của HHDV (thuộc chi phí bán hàng và chi phí QLDN) trong năm 2017 sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh HHDV chịu thuế và không chịu thuế
7	Công ty TNHH Việt Phương Hà Nam	0700227197	350.824.020		350.824.020	Do xác định lại thu nhập được miễn giảm thuế và thu nhập không được miễn giảm thuế TNDN
8	Công ty TNHH Thủy Long Hà Nam	0700644627	5.790.576		5.790.576	Giảm chi phí nhân công vượt định mức
9	Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long	0700222569	127.284.300		127.284.300	Truy thu thuế nhà thầu của MMTB nhập khẩu
10	Công ty Cổ phần xây dựng Minh Anh	0700238978	1.839.972.026		1.839.972.026	Do kết chuyển giá vốn công trình kê khai thiếu doanh thu
11	Công ty TNHH Đại Hoàng	0700317394	11.260.805		11.260.805	Loại trừ các hóa đơn không phục vụ SXKD
12	Công ty TNHH xây dựng, thương mại Minh Hùng	0700634611	39.360.000		39.360.000	Loại trừ các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.
13	Công ty cổ phần Gạch Khang Minh	0700510750	31.941.985		31.941.985	Loại khỏi chi phí tính thu nhập chịu thuế khoản chi phí tiền lương đã chi không đúng thực tế do thống kê sai sản lượng tính lương.
14	Công ty TNHH Thái Sơn	0700207539	50.091.142		50.091.142	Loại trừ chi phí tiền lương hết thời gian quyết toán thuế nhưng chưa chi
15	Công ty cổ phần HACERA	0700518439	22.262.878		22.262.878	Loại trừ chi phí khấu hao TSCĐ vượt khung theo quy định
16	Công ty TNHH Thanh Sơn	0700298328	18.315.252		18.315.252	Loại chi phí lãi vay không hợp lý hợp lệ
17	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam	0700540547	142.014.535		142.014.535	Giảm chi phí tính thuế do đơn vị kết chuyển giá vốn sai
18	Công ty Cổ phần Phát triển Hà Nam	0700224446	1.857.540.258		1.857.540.258	Do đơn vị bù trừ thu nhập hoạt động kinh doanh BĐS vào lỗ của hoạt động kinh doanh khác
19	Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hải Lý	0700100458	34.817.286		34.817.286	Loại chi phí mua vật tư thanh toán bằng tiền mặt
20	Công ty cổ phần xi măng Thành Thăng Group	0700651198	1.884.966.311		1.884.966.311	Tính bổ sung thuế TNDN của nhà thầu nước ngoài đối với thu nhập từ cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế và thương mại tại Việt Nam (Theo TT số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 Hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam)
	Huyện Kim Bảng		15.998.439	0	15.998.439	

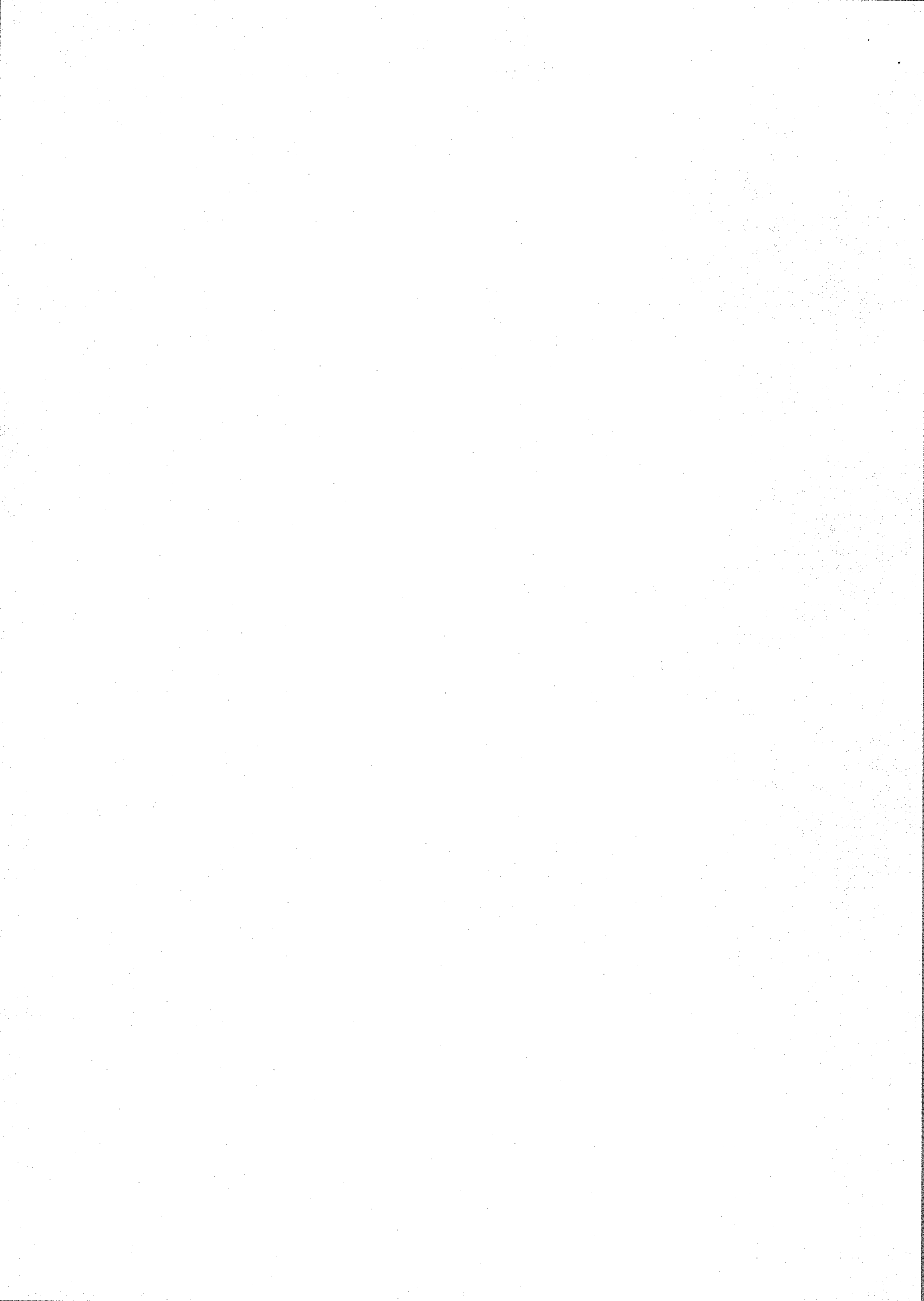


STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Mã số thuế	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
21	Công ty TNHH Vững Phúc	0700261688	970.093		970.093	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn của hàng đã bán trong kỳ chưa kê khai doanh thu.
22	Công ty Cổ phần Vĩnh Sơn	0700228592	15.028.346		15.028.346	Do giảm chi phí trả trước (phân bổ chi phí sửa chữa lớn tài sản) kết chuyển vào giá vốn chưa phù hợp.
	TP Phú Lý		244.138.347	175.547.547	68.590.800	
23	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đức Cường	0700510736	68.590.800		68.590.800	Do loại khỏi chi phí tính thuế TNDN năm 2017 các khoản chi phí tiền lương chứng từ thanh toán không hợp lệ do thanh toán số công nhiều hơn so với hồ sơ nhật ký thi công công trình.
24	Công ty TNHH Quang Khải	0700226027	24.650.000	24.650.000	0	
25	Công ty TNHH Thanh Tuyền	0700297317	30.071.130	30.071.130	0	
26	Công ty Cổ phần Hạ tầng Nam Sơn	0700521329	69.059.800	69.059.800	0	Do loại khỏi chi phí tính thuế TNDN năm 2017 các khoản chi phí tiền lương của một số lao động chứng từ thanh toán không hợp lệ do không có hợp đồng lao động, không có bảng chấm công, không ký nhận khi lĩnh tiền.
27	Công ty TNHH Xây Dựng Xuân Hùng	0700237131	31.073.037	31.073.037	0	
28	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoa Thom	0700236970	20.693.580	20.693.580	0	
	SỐ Y TẾ		400.303.956	400.303.956	0	
29	Văn phòng Sờ		8.720.000	8.720.000	0	Thu tiền bán hồ sơ mời thầu chưa nộp thuế 2%* 418.560.000đ= 8.720.000đ
30	Bệnh viện Đa khoa tỉnh		349.013.368	349.013.368	0	Thuế TNDN đơn vị kê khai thiếu năm 2016, năm 2017.
31	Bệnh viện Sản Nhi		42.570.588	42.570.588	0	Thuế TNDN từ hoạt động liên doanh liên kết đơn vị chưa kê khai và nộp thuế 42.230.588đ; Thuế TNDN từ thu tiền bán hồ sơ mời thầu 2%* 17.000.000đ= 340.000đ
III	Tăng thuế tài nguyên		14.760.000	0	14.760.000	
1	Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long	0700222569	2.760.000		2.760.000	Do đơn vị áp sai đơn giá tính thuế
2	Công ty cổ phần khoáng sản Lộc Hà	0700242396	12.000.000		12.000.000	Do đơn vị áp sai đơn giá tính thuế
V	Tăng thu phí, lệ phí (Phí BVMT)		1.229.069.283	0	1.229.069.283	
1	Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long	0700222569	268.667.533		268.667.533	Do đơn vị tính sai tỷ lệ quy đổi từ m3 ra tấn
2	Công ty cổ phần khoáng sản Lộc Hà	0700242396	1.250.000		1.250.000	Do áp sai hệ số K
3	Công ty TNHH Tân Thủy	0700226161	959.151.750		959.151.750	Do tính sai tỷ lệ quy đổi từ đá sau nổ mìn sang đá nguyên khai và do áp sai hệ số K
VI	Tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa		83.175.000	83.175.000	0	
1	Công ty TNHH xăng dầu Thiên Phú Hà Nam	0700764508	83.175.000	83.175.000	0	Do năm 2017 Số Tài nguyên và Môi trường tính thiếu

STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Mã số thuế	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
VII	Giảm thuế GTGT còn được khấu trừ		5.440.645.168	5.440.645.168	0	
	Văn phòng Cục		3.305.435.040	3.305.435.040	0	
1	Công ty TNHH Kim Thành	0700231958	344.808.727	344.808.727	0	
2	Công ty TNHH Thăng Lợi Thanh Liêm	0700100070	1.485.396.908	1.485.396.908	0	Do chưa hạch toán doanh thu và kê khai thuế trong năm 2017, đến 31/12/2017 Công ty còn được khấu trừ thuế GTGT
3	Công ty cổ phần xây dựng Lepro Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	0106109818-00	687.000.000	687.000.000	0	
4	Công ty TNHH Khánh Hồng	0700257258	257.279	257.279	0	Thuế GTGT được khấu giảm 257.279đ do đơn vị có vận chuyển đá 1x2 cho Công ty TNHH Thăng Lan đã có nghiệm thu nhưng đơn vị chưa kê khai thuế GTGT
5	Công ty TNHH Thủy Long Hà Nam	0700644627	377.218.294	377.218.294	0	Do phân bổ lại thuế GTGT đầu vào cho Doanh thu không chịu thuế GTGT
6	Công ty TNHH Đại Hoàng	0700317394	10.880.363	10.880.363	0	Loại trừ thuế GTGT đầu vào của hóa đơn không phục vụ SXKD
7	Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hải Lý	0700100458	324.079.743	324.079.743	0	Do tính bổ sung thuế GTGT đầu ra đơn vị chưa kê khai (giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ cuối kỳ)
8	Công ty TNHH Xây dựng thương mại Trường Linh	0700639948	6.780.000	6.780.000	0	Do hóa đơn, chứng từ không hợp lý (nhập kho không đúng loại hàng hóa đã mua trên hóa đơn)
9	Công ty cổ phần khoáng sản Lộc Hà	0700242396	69.013.726	69.013.726	0	Giảm thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa vật tư mua vào đã hết thời hạn thanh toán nhưng chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng; hạch toán không đúng chế độ kế toán
	TP Phủ Lý		2.135.210.128	2.135.210.128	0	
9	Công ty Cổ phần Đức Anh	0700220258	403.118.272	403.118.272	0	Do chưa hạch toán doanh thu và kê khai thuế trong năm 2017, đến 31/12/2017 Công ty còn được khấu trừ thuế GTGT.
10	Công ty TNHH Xây dựng Quang Thành	0700454369	1.547.052.636	1.547.052.636	0	Do chưa hạch toán doanh thu và kê khai thuế trong năm 2017, đến 31/12/2017 Công ty còn được khấu trừ thuế GTGT.
11	Công ty TNHH Vững Phúc	0700261688	126.363.636	126.363.636	0	Do chưa kê khai thuế GTGT đầu ra đối với hàng hóa đã bán trong kỳ.
12	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Anh Anh	070065437	45.247.106	45.247.106	0	Do chưa kê khai thuế GTGT đầu ra tương ứng với khối lượng nghiệm thu đến 31/12/2017.
13	Công ty xây dựng công trình Quyết Thắng	0700206736	13.428.478	13.428.478	0	Do chưa kê khai thuế GTGT đầu ra tương ứng với khối lượng nghiệm thu đến 31/12/2017.
VIII	Thu hồi hoàn thuế GTGT		5.437.851.494	2.704.765.839	2.733.085.655	
1	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng VIETCOM Hà Nam	0700640005	5.233.085.655	2.500.000.000	2.733.085.655	Do dự án đã nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng ngày 12/11/2016 và đã được Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nam thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tại văn bản số 53/TB-SNN ngày 30/12/2016.
2	Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	0700253609	160.647.421	160.647.421	0	Giảm hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu trong năm của các tờ khai nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan.
3	Công ty TNHH Dệt Hà Nam	0700101268	12.775.668	12.775.668		Do đơn vị phân bổ chưa đầy đủ số thuế GTGT đầu vào của HHDV (thuộc chi phí bán hàng và chi phí QLDN) trong năm 2017 sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh HHDV chịu thuế và không chịu thuế.



STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Mã số thuế	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
4	Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long	0700222569	31.342.750	31.342.750	-	Loại trừ hóa đơn đầu vào không thuộc dự án đầu tư
IX	Giảm phải thu NSNN		204.171.148	204.171.148	0	
1	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thanh Sơn	0700432397	204.171.148	204.171.148	-	Giảm khoản phải thu NSNN số thuế GTGT đơn vị đã nộp vãng lai 2%, do Kiểm toán xác định tăng thuế GTGT đầu ra 345.698.000đ, kiến nghị tăng thuế GTGT phải nộp 141.526.852đ và giảm trừ số thuế phải thu NSNN 204.171.148đ.



BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017 TẠI TỈNH HÀ NAM

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Kiến nghị của kiểm toán										Giảm giá trúng thầu, hợp đồng còn lại
			Thu hồi, nộp NS các khoản thu, chi sai quy định		Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp		Nộp trả NS cấp trên, KP thừa hết nhiệm vụ chi		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		Hoàn trả nguồn		
			Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9			10	11	12
	Tổng cộng	185.412.169.927	26.184.104.424	449.892.565	38.557.435.835	0	20.000.000	0	14.802.521.216	74.243.114.539	1.136.797.562	0	30.018.303.785
I	Các sở, ban ngành	40.722.039.784	26.162.961.202	0	0	0	0	0	14.559.078.582	0	0	0	0
1	Sở Giao thông vận tải	138.809.229	19.401.430						119.407.799				
2	Sở Y tế	40.035.836.155	26.143.559.772						13.892.276.383				
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	547.394.400							547.394.400				
II	Các huyện, thị, thành phố	39.978.819.254	21.143.222	0	38.557.435.835	0	20.000.000	0	243.442.635	0	1.136.797.562	0	0
1	TP Phủ Lý	1.513.846.298			527.599.298		20.000.000				966.247.000		
2	H. Kim Bảng	38.464.972.956	21.143.222		38.029.836.537				243.442.635		170.550.562		
III	Các Ban QLDA cấp tỉnh	104.711.310.889	0	449.892.565	0	0	0	0	0	74.243.114.539	0	0	30.018.303.785
1	UBND thành phố Phủ Lý/Ban QLDA ĐTXD các công trình thành phố Phủ Lý	3.448.707.000		133.349.000						605.631.000			2.709.727.000
2	BQLDA ĐTXD công trình - UBND huyện Kim Bảng	242.204.000		242.204.000						0			0
3	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam	3.346.875.987		0						1.001.952.400			2.344.923.587
4	Ban QLDA XD Giao thông	22.870.353.279		74.339.565						2.439.706.774			20.356.306.940
5	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	74.803.170.623								70.195.824.365			4.607.346.258
	Tổng cộng	185.412.169.927	26.184.104.424	449.892.565	38.557.435.835	0	20.000.000	0	14.802.521.216	74.243.114.539	1.136.797.562	0	30.018.303.785

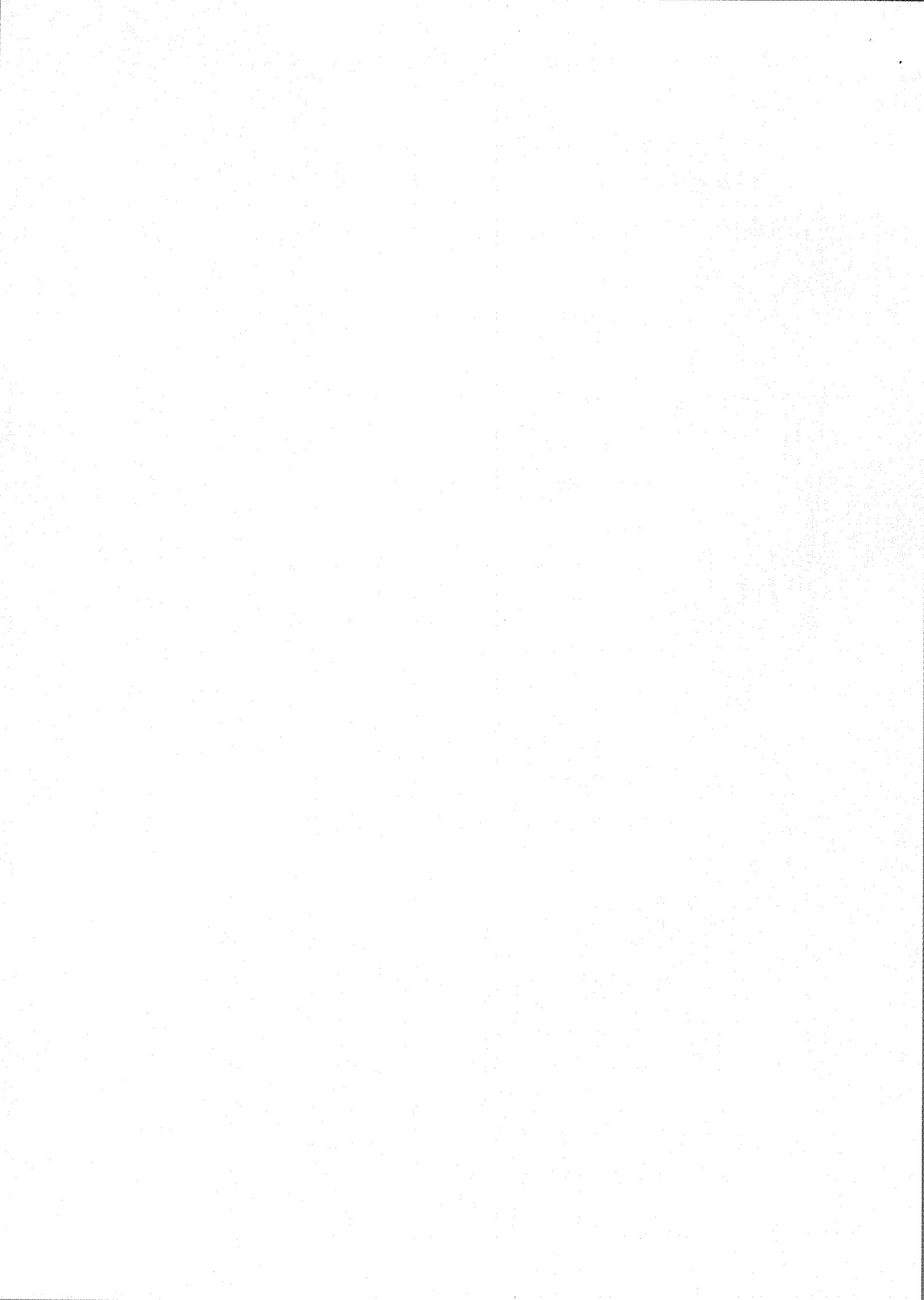


Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số thực hiện của đơn vị											
		Tổng số	Thu hồi, nộp NS các khoản thu, chi sai quy định		Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp		Nộp trả NS cấp trên, KP thừa hết nhiệm vụ chi		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		Hoàn trả nguồn		Giảm giá trúng thầu, hợp đồng còn lại
			Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9			10	11	12
	Tổng cộng	161.199.626.537	21.039.728.507	375.553.000	31.888.387.198	0	20.000.000	0	9.429.958.199	69.557.674.401	966.247.000	0	27.922.078.232
I	Các sở, ban ngành	30.450.883.906	21.020.925.707	0	0	0	0	0	9.429.958.199	0	0	0	0
1	Sở Giao thông vận tải	138.809.229	19.401.430						119.407.799				
2	Sở Y tế	29.764.680.277	21.001.524.277						8.763.156.000				
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	547.394.400							547.394.400				
II	Các huyện, thị, thành phố	32.893.436.998	18.802.800	0	31.888.387.198	0	20.000.000	0	0	0	966.247.000	0	0
1	TP Phú Lý	1.385.677.198			399.430.198		20.000.000				966.247.000		
2	H. Kim Bảng	31.507.759.800	18.802.800		31.488.957.000				0		0		
III	Các Ban QLDA cấp tỉnh	97.855.305.633	0	375.553.000	0	0	0	0	0	69.557.674.401	0	0	27.922.078.232
1	UBND thành phố Phú Lý/Ban QLDA ĐTXD các công trình thành phố Phú Lý	3.448.707.000		133.349.000						605.631.000			2.709.727.000
2	BQLDA ĐTXD công trình - UBND huyện Kim Bảng	242.204.000		242.204.000						0			0
3	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam	837.110.008		0						552.634.741			284.475.267
4	Ban QLDA XD Giao thông	22.415.057.107		0						2.094.527.400			20.320.529.707
5	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	70.912.227.518								66.304.881.260			4.607.346.258
	Tổng cộng	161.199.626.537	21.039.728.507	375.553.000	31.888.387.198	0	20.000.000	0	9.429.958.199	69.557.674.401	966.247.000	0	27.922.078.232



TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị chưa thực hiện											
		Tổng số	Thu hồi, nộp NS các khoản thu, chỉ sai quy định		Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp		Nộp trả NS cấp trên, KP thừa hết nhiệm vụ chỉ		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		Hoàn trả nguồn		Giảm giá trúng thầu, hợp đồng còn lại
			Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
	Tổng cộng	24.212.543.390	5.144.375.917	74.339.565	6.669.048.637	0	0	0	5.372.563.017	4.685.440.138	170.550.562	0	2.096.225.553
I	Các sở, ban ngành	10.271.155.878	5.142.035.495	0	0	0	0	0	5.129.120.383	0	0	0	0
1	Sở Giao thông vận tải	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Sở Y tế	10.271.155.878	5.142.035.495	0	0	0	0	0	5.129.120.383	0	0	0	0
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Các huyện, thị, thành phố	7.085.382.256	2.340.422	0	6.669.048.637	0	0	0	243.442.635	0	170.550.562	0	0
1	TP Phú Lý	128.169.100	0	0	128.169.100	0	0	0	0	0	0	0	0
2	H. Kim Bảng	6.957.213.156	2.340.422	0	6.540.879.537	0	0	0	243.442.635	0	170.550.562	0	0
III	Các Ban QLDA cấp tỉnh	6.856.005.256	0	74.339.565	0	0	0	0	0	4.685.440.138	0	0	2.096.225.553
1	UBND thành phố Phú Lý/Ban QLDA ĐTXD các công trình thành phố Phú Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	BQLDA ĐTXD công trình - UBND huyện Kim Bảng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam	2.509.765.979	0	0	0	0	0	0	0	449.317.659	0	0	2.060.448.320
4	Ban QLDA XD Giao thông	455.296.172	0	74.339.565	0	0	0	0	0	345.179.374	0	0	35.777.233
5	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	3.890.943.105	0	0	0	0	0	0	0	3.890.943.105	0	0	0
	Tổng cộng	24.212.543.390	5.144.375.917	74.339.565	6.669.048.637	0	0	0	5.372.563.017	4.685.440.138	170.550.562	0	2.096.225.553



THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ THU HỒI, GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

Tại Tỉnh Hà Nam

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân chênh lệch
	TỔNG CỘNG	80.700.859.037	63.344.320.904	17.356.538.133	
I	Nộp vào ngân sách các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	38.557.435.835	31.888.387.198	6.669.048.637	
I.1	TP Phủ Lý	527.599.298	399.430.198	128.169.100	
1	Phòng Tài chính kế hoạch	95.253.000	95.253.000	0	Các khoản tạm giữ phải nộp NSNN tiền bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước: 95.253.000đ).
2	Xã Liêm Chung	29.436.900	29.436.900	0	Nộp NSNN các khoản thu đền bù hoa lợi công sản từ các năm trước còn dư trên tài khoản tiền gửi khác
3	Phường Châu Sơn	402.909.398	274.740.298	128.169.100	Nộp NSNN các khoản phải trả từ các năm trước còn dư trên tài khoản tiền gửi khác, hết nhiệm vụ chi
I.2	Huyện Kim Bảng	38.029.836.537	31.488.957.000	6.540.879.537	
1	Văn phòng HĐND và UBND	1.053.000	1.053.000	0	Số dư TK tiền gửi (tiền điện) của cửa hàng rau sạch trà VPUBND huyện, VP UBND đã quyết toán NSNN tiền điện
2	Xã Tượng Lĩnh	6.432.854.537		6.432.854.537	Xã Tượng Lĩnh: Thu tiền sử dụng đất tồn trên TK tiền gửi 3723 là 6.542.64.537đ, trừ 109.795.000 lệ phí đấu giá) chưa nộp kịp thời vào NSNN (đến thời điểm kiểm toán 10/4/2018 chưa nộp)
4	Xã Tân Sơn	100.000.000		100.000.000	Xã Tân Sơn: Thu tiền đặt cọc của các hộ bỏ trưng đấu giá tồn TK 3723 tồn 31/12/2017 là 100trđ, đến thời điểm kiểm toán (10/4/2018) chưa nộp.
5	Xã Nhật Tựu	8.025.000		8.025.000	Xã Nhật Tựu: Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân xây dựng cơ sở hạ tầng; Hỗ trợ xây dựng nghĩa trang Liệt sỹ 5.025.000đ; Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới 3.000.000đ
8	Phòng Tài chính kế hoạch (KT tổng hợp)	31.487.904.000	31.487.904.000	0	+ Thu đấu giá quyền sử dụng đất tại Thị trấn Quế: Số dư cuối kỳ: 50.017.984.000đ. Kinh phí tồn chuyển năm sau là tiền thu đấu giá quyền sử dụng đất tại Thị trấn Quế, số phải trả chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật 18.530.080.000đ, số còn lại 31.487.904.000đ đơn vị chưa nộp vào ngân sách.
II	Nộp NSNN cấp trên	20.000.000	20.000.000	0	
1	Ngân sách tỉnh	7.700.000.000		7.700.000.000	Trung ương bổ sung có mục tiêu dự án đầu tư xây dựng các trạm bơm đầu mối khu vực thành phố Phủ Lý phục vụ việc tiêu thoát nước chống ngập úng và kết hợp sản xuất nông nghiệp chưa phân bổ 7.700trđ (Bộ tài chính đã có văn bản số 3639/BTC-ĐT ngày 30/3/2018 v/v thu hồi kế hoạch vốn năm 2017 chưa giải ngân hết trong năm 2017 của tỉnh Hà Nam)
1	TP Phủ Lý - Xã Liêm Chung	20.000.000	20.000.000	0	Hoàn trả NSNN các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu hỗ trợ nhà ở người có công từ năm trước, hết nhiệm vụ chi

TT	Đơn vị	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân chênh lệch
III	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai chế độ, chưa giảm trừ đủ dự toán	26.184.104.424	21.039.728.507	5.144.375.917	
1	Huyện Kim Bảng	21.143.222	18.802.800	2.340.422	
	Phòng Tài nguyên và Môi trường	18.802.800	18.802.800	-	Chi lập kế hoạch sử dụng đất năm 2017 theo Hợp đồng số 03/2016/HĐKT ngày 08/9/16 và Hợp đồng số 05/2016/HĐKT ngày 12/12/16. Vượt đơn giá nhân công lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo Thông tư 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27/2/2007 hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai
	Thị trấn Ba Sao	2.340.422		2.340.422	- Chi tiền đo đạc chỉnh lý bản đồ vượt đơn giá (phần phụ cấp trách nhiệm cho nhóm tối thiểu 5 người, đơn giá xây dựng phụ cấp TN cho tất cả các nhóm) theo quy định tại Thông tư số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27/2/2007: 2.340.422đ;
2	Sở Giao thông vận tải	19.401.430	19.401.430	0	
	Văn phòng Sở GTVT	19.401.430	19.401.430	0	Thu hồi, nộp NSNN đối với các nội dung chi sửa chữa trụ sở, chi sửa chữa đường bộ sai định mức, khối lượng: 19.401.430đ
3	Sở Y tế chưa giảm trừ đủ dự toán các khoản chi phí đã kết cấu trong đơn giá dịch vụ KCB	26.143.559.772	21.001.524.277	5.142.035.495	
3.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh: Nộp trả NSNN tiền lương phụ cấp kết cấu trong đơn giá chưa giảm trừ	3.042.583.579	3.042.583.579	-	Tiền lương có trong giá dịch vụ KCB BHYT 2,5 tháng cuối năm 2016 chưa giảm trừ dự toán 3.814.472.637đ, số NSNN chưa giảm trừ dự toán tiền lương có trong đơn giá dịch vụ KCB không có BHYT 3 tháng cuối năm 2017: 552.849.800đ; năm 2017 STC giảm trừ quá quỹ tiền lương và trực 1.324.738.858đ.
3.2	Bệnh viện Sản Nhi tiền lương tiền lương phụ cấp kết cấu trong đơn giá chưa giảm trừ	3.470.002.494	3.470.002.494	-	Tiền lương có trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không có BHYT 3 tháng cuối năm 2017 chưa trừ 525.615.528đ; chênh lệch tiền lương, phụ cấp trực có trong giá dịch vụ KCB BHYT đã cấp dự toán nhưng quyết toán chưa trừ 2.944.386.966đ.
3.3	Các bệnh viện còn lại	19.630.973.699	14.488.938.204	5.142.035.495	Tiền lương có trong giá dịch vụ KCB BHYT các tháng cuối năm 2016 chưa giảm trừ dự toán 2.142.068.559đ, số NSNN chưa giảm trừ hết năm 2017 là 17.488.905.140đ (trong đó chênh lệch tiền lương giá dịch vụ KCB không có BHYT 3 tháng cuối năm 2017 là 528.687.994đ; chưa giảm trừ hết tiền lương, phụ cấp trong giá dịch vụ KCB năm 2017 là 16.960.217.146đ) gồm: Bệnh viện tâm thần 1.024.625.625đ; Bệnh viện Mắt: 615.732.256đ; Bệnh viện Lao 1.164.952.277đ; Bệnh viện YHCT 716.165.627đ; Bệnh viện Nam Lý 94.828.459đ; TTYT huyện Bình Lục 3.365.717.896đ; TTYT huyện Thanh Liêm 3.467.018.490đ; TTYT huyện Duy Tiên 3.776.317.498đ; TTYT huyện Kim Bảng 2.445.168.604đ.
IV	Hủy dự toán, Giảm trừ dự toán năm sau	14.802.521.216	9.429.958.199	5.372.563.017	
1	Huyện Kim Bảng	243.442.635	-	243.442.635	
	Xã Tượng Lĩnh - Nguồn CCTL	213.651.002		213.651.002	Nguồn CCTL xã đã chi sang thường xuyên 213.651.002 (Số phải theo dõi chuyển năm sau 222.255.068đ; tại quyết toán thực tế chi chuyển nguồn 8.604.066đ)
	Xã Khả Phong - Nguồn CCTL	23.818.954		23.818.954	Nguồn CCTL phải theo dõi chuyển năm sau nhưng đơn vị đã chi thường xuyên
	Thị trấn Quế	5.972.679		5.972.679	Nguồn CCTL phải theo dõi chuyển năm sau nhưng đơn vị đã chi thường xuyên
2	Sở Giao thông vận tải	119.407.799	119.407.799	0	


 A XHCN
 SỞ
 Y CHỈ
 VĨNH HẠ

TT	Đơn vị	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân chênh lệch
	Văn phòng Sở GTVT Hà Nam	119.407.799	119.407.799	0	Hủy dự toán chuyển năm sau đối với kinh phí hết nhiệm vụ chi: 119.407.799đ (kinh phí NSNN cấp hoạt động thu phí, lệ phí).
3	Sở Giáo dục và Đào tạo - Nguồn CCTL tại các đơn vị	547.394.400	547.394.400	0	
	Trường Chuyên Biên Hòa	61.493.200	61.493.200	-	- Sở Giáo dục chưa tính nguồn CCTL từ 40% số thu học phí thực tế phát sinh tăng 55.493.200đ -Số chuyển nguồn thực hiện CCTL năm 2016 chuyển sang xác định thiếu 6trđ.
	Trường THPT A Phủ Lý	35.461.200	35.461.200	-	- Sở Giáo dục chưa tính nguồn CCTL từ 40% số thu học phí thực tế phát sinh tăng 29.461.200đ -Số chuyển nguồn thực hiện CCTL năm 2016 chuyển sang xác định thiếu 6trđ
	Các trường còn lại thuộc Sở Giáo dục - kiểm toán tổng hợp	450.440.000	450.440.000		Số phải giảm trừ cấp phát năm sau của các đơn vị còn lại trực thuộc sở Giáo dục & Đào tạo bao gồm các trường THPT: Bình Lục A 11.062.000đ; Bình Lục B 21.812.000đ; Bình Lục C (4.094.000đ); Duy Tiên A 44.956.000đ; Duy Tiên B 29.524.000đ; Kim Bảng A 17.302.000đ; Kim Bảng B 35.457.000đ; Kim Bảng C 26.701.000đ; Lý Thường Kiệt 16.710.000đ; Bắc Lý 33.836.000đ; Nam Lý 17.880.000đ; Lý Nhân 43.955đ; Thanh Liêm A (36.181.000đ); Thanh Liêm B 20.698.000đ; Thanh Liêm C 58.196.000đ; Phủ Lý B 2.497.000đ; Phủ Lý C 31.889.000đ; Nguyễn Hữu Tiến 16.788.000đ; Nam Cao 13.592.000đ; Nguyễn Khuyến 24.514.000đ; Lê Hoàn 17.040.000đ; TTGD TX Hương nghiệp Hà Nam 6.306.000đ.
4	Sở Y tế	13.892.276.383	8.763.156.000	5.129.120.383	
4.1	Giảm trừ nguồn cải cách tiền lương	13.709.458.624	8.763.156.000	4.946.302.624	
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	5.712.193.687	1.412.812.000	4.299.381.687	BV chưa thực hiện trích lập nguồn CCTL năm 2017: - Nguồn CCTL năm trước chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2017: 5.100.408.000đ.; 35% trích lập nguồn sau khi trừ chi phí thuốc, máu dịch truyền, điện nước, vệ sinh môi trường, sửa chữa duy trì thiết bị, tiền lương phụ cấp kết cấu trong giá dịch vụ... 5.712.193.687đ.
	Bệnh viện Sản Nhi	462.705.661	458.633.000	4.072.661	- Nguồn CCTL năm trước chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2017: 0đ. - Nguồn CCTL phát sinh trong năm 885.956.800đ. Chi tiết: + Nguồn 35% để chi CCTL trong năm 409.004.000đ, nguồn 40% thực hiện CCTL 41.354.800đ). + NSNN cấp thực hiện CCTL 435.598.000đ. - Số sử dụng quyết toán trong năm 423.251.139đ - Kinh phí thực hiện CCTL dư năm 2017 thực hiện CCTL năm 2018: 462.705.661đ (nguồn NSNN cấp còn dư 12.346.861đ; nguồn CCTL từ 35% nguồn thu sau khi trừ các khoản chi phí 450.358.800đ)
	Văn phòng Sở	8.000.000	8.000.000	-	Nguồn năm 2016 chuyển sang 112.526.000đ; nhu cầu đã giảm trừ khi thực hiện ND 47 trong năm 104.526.000đ
	Nguồn CCTL tại các đơn vị còn lại	7.526.559.276	6.883.711.000	642.848.276	Nguồn CCTL của các đơn vị trực thuộc Sở chuyển năm 2018 chưa trích lập, xác định giảm trừ năm sau 7.526.559.276đ gồm Chi cục VSATTP 7.520.000đ; BV Tâm Thần 131.722.406đ; Bệnh viện Mắt 768.902.532đ; Bệnh viện Lao (276.840.800đ); Bệnh viện Y học cổ truyền 8.767.070đ; TT Giám định Y khoa 103.592.968đ; TT pháp y tỉnh (16.002.989đ); TT Y tế dự phòng tỉnh (107.552.472đ); Bệnh viện Nam Lý 380.339.531đ; TTYT huyện Bình Lục (72.659.636đ); TTYT huyện Thanh Liêm 1.539.538.513đ; TTYT huyện Lý Nhân 2.241.380.881đ; TTYT huyện Duy Tiên 2.246.954.150đ; TTYT huyện Kim Bảng 1.275.685.832đ; TTYT TP Phủ Lý (84.368.000đ); Trường CĐ Y tế (620.420.708đ). Các đơn vị có số âm là nguồn của đơn vị không đảm bảo nhu cầu thực hiện.

TT	Đơn vị	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân chênh lệch
4.2	Chưa giảm trừ 0,5% các khoản đóng góp theo lương của các đơn vị được NSNN cấp do điều chỉnh các khoản phải đóng theo lương	182.817.758,8		182.817.758,8	Chưa điều chỉnh giảm 0,5% các đóng góp theo lương đã cấp trong dự toán đầu năm tại các đơn vị được NSNN cấp gồm TT giám định y khoa 1.916.833đ; TT Phòng chống AIDS 3.883.542đ; TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm 3.022.809đ; TT Truyền thông GDSK 1.722.595đ; TT Pháp y 1.577.953đ; Trung tâm y tế dự phòng 9.271.163đ; Trung tâm y tế TP Phù Lý 19.280.564đ; Bệnh viện Phong 4.278.495đ; TTYT huyện Bình Lục 24.811.403đ; TTYT huyện Kim Bảng 21.218.665đ; TTYT huyện Thanh Liêm 23.587.849đ; TTYT huyện Lý Nhân 26.852.255đ; TTYT huyện Duy Tiên 25.662.413đ; Chi cục An toàn VSTP 2.136.227đ; Chi cục dân số 2.115.535đ; Văn phòng Sở 5.279.109đ; Trường CD Y tế 6.200.347đ.
V	Bổ trí hoàn trả nguồn	1.136.797.562	966.247.000	170.550.562	
1	Thành phố Phù Lý	966.247.000	966.247.000	0	
	Ngân sách Thành phố - nguồn KP cải cách tiền lương	966.247.000	966.247.000	0	Địa phương đã phân bổ sử dụng nguồn kinh phí CCTL cho các nội dung khác: 966.247.000đ
2	Huyện Kim Bảng	170.550.562		170.550.562	
	Xã Tượng Lĩnh	170.550.562		170.550.562	Thu từ tiền sử dụng đất sử dụng chi thường xuyên 170.550.562đ



TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KHÁC VỀ CHI THƯỜNG XUYÊN

Tại Tỉnh Hà Nam

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Đơn vị	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
TỔNG CỘNG		721.337.932.186	509.939.904.949	211.398.027.237	
I	UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh đối với khoản chi chuyển nguồn chưa lập phương án sử dụng	61.458.000.000	61.458.000.000	-	
1	Ngân sách Tỉnh - các khoản chi chuyển nguồn	61.458.000.000	61.458.000.000		Địa phương quyết định chi chuyển nguồn sang năm 2018 nhưng chưa có phương án sử dụng đối với dự phòng ngân sách còn dư
II	Xử lý, thu hồi dứt điểm các khoản tạm ứng quá thời gian nhưng chưa thu hồi	277.197.379.030	97.238.878.320	179.958.500.710	
1	Ngân sách Thành phố tạm ứng từ ngân sách Tỉnh	74.762.000.000	10.163.000.000	64.599.000.000	Ngân sách tỉnh tạm ứng cho thành phố Phủ Lý từ nhiều năm trước; Thành phố chưa kịp thời, chủ động bố trí nguồn để hoàn trả các khoản ngân sách đã được ứng trước
2	Ngân sách Tỉnh - tạm ứng cho các đơn vị chưa xử lý dứt điểm	202.435.379.030	87.075.878.320	115.359.500.710	Ngân sách tỉnh tạm ứng cho các đơn vị, các huyện từ nhiều năm trước; chưa kịp thời, chủ động bố trí nguồn để hoàn trả các khoản ngân sách đã được ứng trước
III	Bộ Tài chính xử lý dứt điểm các khoản ứng và tạm ứng từ sách trung ương cho NSDP	13.346.000.000	13.346.000.000		Ứng và tạm ứng từ sách trung ương cho tỉnh Hà Nam từ năm 2015 trở về trước chưa được xử lý là: 254.832trđ (Năm 2008: 40.000trđ; năm 2009: 4.832trđ; năm 2010: 40.000trđ; năm 2012: 60.000trđ; năm 2013: 90.000trđ; năm 2014: 20.000trđ) đã kiến nghị trong báo cáo kiểm toán năm 2016 nhưng chưa được thực hiện; Ứng và tạm ứng năm 2016 và năm 2017: Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ phát triển đất trồng lúa: 13.346trđ.
IV	Đơn đốc thu nộp NSNN các khoản phải thu	6.172.451.000	-	6.172.451.000	
1	Huyện Kim Bảng: Đơn đốc thu tiền sử dụng đất các hộ còn nợ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất	1.608.600.000		1.608.600.000	Xã Tương Linh: 4 hộ dân đã trúng kết quả đấu giá quyền sử dụng đất tại xã (Hộ Ông Trần Văn Khích 328,9trđ; Ngô Tiến Phích 479,7trđ; Bà Phan Thị Tinh 288trđ; Ông Nguyễn Văn Hiệu 332trđ; Nguyễn Nam Hải 180trđ) nhưng chưa nộp (Tại QĐ 6970/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND huyện Kim Bảng)
2	Sở tài nguyên và Môi trường: Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển đổi mục đích đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp	4.563.851.000		4.563.851.000	Phải thu kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển đổi mục đích đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp theo Quyết định của UBND tỉnh năm 2017 nhưng các đơn vị chưa nộp.
V	Theo dõi giảm trừ khi cấp phát năm sau	1.544.806.000	1.544.806.000	-	
1	Huyện Kim Bảng	1.538.663.000	1.538.663.000		Kinh phí thực hiện các chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội bổ sung từ ngân sách tỉnh đã hết nhiệm vụ chi năm 2017 (không còn đối tượng thanh toán đối với năm 2017, năm 2018 tiếp tục thực hiện chi trả) 1.538.663.000đ
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.143.000	6.143.000		Nhu cầu thực hiện CCTL năm 2017 của Văn phòng Sở 157.321.000đ; thực cấp 163.464.000đ (đơn vị đã theo dõi chuyển nguồn sang năm 2018: 6.143.000)
VI	UBND tỉnh Báo cáo Bộ Tài chính	280.587.085.000	278.451.000.000	2.136.085.000	
1	Đối với nguồn kinh phí cải cách tiền lương của địa phương đã sử dụng cho các nhiệm vụ chi ngân sách địa phương	278.451.000.000	278.451.000.000		Nguồn kinh phí cải cách tiền lương thực chuyển năm sau của địa phương: 655.235trđ; theo giải trình, năm 2017 địa phương đã phân bổ cho các nhiệm vụ thực hiện chế độ chính sách về tiền lương thuộc trách nhiệm của địa phương 278.451.trđ. Trong đó dự toán HĐND tỉnh giao trong dự toán chỉ năm 2017 là 200.000trđ.
2	Đối với khoản thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa nước năm 2016 chưa thu của các đơn vị chọn mẫu kiểm toán	2.136.085.000		2.136.085.000	

Số TT	Đơn vị	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
2.1	Công ty Cổ phần 68, MST 0700246295	39.585.000		39.585.000	Năm 2016 UBND tỉnh Hà Nam chưa thực hiện thu tiền bảo vệ phát triển đất chuyên trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp theo quy định tại Thông tư 18/2016/TT-BTC, ngày 21/1/2016 Hướng dẫn thực hiện Nghị định 35/NĐ-CP ngày 13/4/2015 do Thông tư ban hành chậm và khó thực hiện hồi tố
2.2	Công ty TNHH JY Hà Nam, MST 0700643461	1.181.000.000		1.181.000.000	
2.3	Công ty CPĐT Địa ốc Mạnh Hùng Hà Nam, MST 0700630695	915.500.000		915.500.000	
VII	UBND tỉnh chỉ đạo thu hồi về Quỹ Phát triển đất các khoản cho vay, tạm ứng từ năm 2016 trở về trước	34.401.696.000	34.401.696.000	0	Quỹ phát triển đất còn cấp tạm ứng cho các dự án từ năm 2012 chưa thu hồi về Quỹ: 154.727.084.080đ; trong đó đã kiến nghị tại BCKT năm 2017 là 120.325.388.080đ.
VIII	UBND huyện Kim Bảng chấn chỉnh UBND các xã trong quản lý ngân sách	6.315.836.646	-	6.315.836.646	
1	Huyện Kim Bảng: tiền sử dụng đất	6.315.836.646		6.315.836.646	Các xã sử dụng nguồn thu từ đất, thu các khoản đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, thu đền bù khi nhà nước thu hồi đất đã sử dụng chi thường xuyên 6.315,8trđ. Theo báo cáo thuyết minh, các xã đã sử dụng mua sắm tài sản, sửa chữa nhỏ thường xuyên phát sinh trên địa bàn xã.
IX	Rà soát và xử lý dứt điểm số dư tài khoản tạm giữ theo quy định	611.155.000	0	611.155.000	
1	Thành phố Phủ Lý - Phòng Tài chính kế hoạch	611.155.000		611.155.000	Tiền sử dụng đất tại Khu nhà ở cán bộ, bác sỹ, công nhân viên Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức còn tồn trên tài khoản tạm giữ: 611.155.000đ, theo giải trình của đơn vị đây là số kinh phí còn lại phải thanh toán chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng. Đề nghị địa phương thanh quyết toán dứt điểm và xác định nếu còn thừa nộp NSNN theo quy định.
X	Chấn chỉnh rút kinh nghiệm chứng từ chưa đảm bảo đầy đủ thủ tục; giao dự toán cho lao động hợp đồng không có trong chỉ tiêu biên chế	14.922.064.629	14.922.064.629	-	
1	Sở Giao thông vận tải	86.173.405	86.173.405	-	Văn phòng Sở GTVT: Chi sửa chữa nhỏ phòng bảo gara để xe ô tô nhưng không có biên bản xác định mức độ hư hỏng trước khi sửa chữa, không ghi rõ chủng loại, vật tư được áp dụng trong quá trình sửa chữa mà chỉ ghi chung chung (Tôn xốp 3 lớp; Tôn mạ màu; Thép hộp; Gạch lát nền...50.673.405đ; tại Thanh tra Sở Giao thông vận tải: 35.500.000đ.
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	326.947.782	326.947.782	0	Sự nghiệp giáo dục - Văn phòng Sở: Chi tiền hợp cho cán bộ hưởng lương từ NSNN: 12.960.000đ; Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục cho các hoạt động thường xuyên của đơn vị thuộc nhiệm vụ kinh phí QLNN 269.747.782đ (tiếp khách 88.865.800đ; tiền điện 53.865.800đ; xăng xe 77.714.400đ; hoa quả chúc mừng 16.000.000đ; điều hòa nhiệt độ 3 chiếc 33.895.900đ). Sở GD & ĐT chỉ đạo Trường THPT Chuyên Biên Hòa chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định liên quan đến việc không khấu trừ thuế TNCN khi chi trả tiền cho các giảng viên thuê ngoài dạy luyện thi, số tiền 44.240.000đ (= 442.400.000đ x 10%) (Quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 25 của Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN). Rút kinh nghiệm trong quản lý tình hình sử dụng nguồn kinh phí.
3	Thành phố Phủ Lý	869.272.442	869.272.442	-	
	Văn phòng HĐND & UBND thành phố Phủ Lý	473.799.100	473.799.100	0	Chi sửa chữa ô tô chưa có bàn giao xe đưa vào sử dụng: 331.437.100đ; Mua văn phòng phẩm, vật tư hàng ngày có trường hợp không làm thủ tục nhập, có trường hợp phân phát vật tư cho người nhận trước khi nhận vật tư từ nhà cung cấp dịch vụ số tiền: 119.362.000đ; Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản không có báo cáo đề xuất của bộ phận sử dụng nên thiếu cơ sở xác định tính chính xác mức độ hư hỏng, không có biên bản thu hồi vật tư thay thế sau sửa chữa... số tiền: 23.000.000 đ.
	Phòng Quản lý đô thị thành phố Phủ Lý	349.750.342	349.750.342	0	Bảo dưỡng thường xuyên cầu, đường bộ trên địa bàn thành phố Phủ Lý năm 2017 (Biên bản khảo sát không chỉ rõ vị trí và ô gá; thành phần khảo sát làm cơ sở lập dự toán không có các cấp chính quyền địa phương tham dự làm cơ sở quản lý) số tiền: 310.598.342đ; Chi mua băng zôn phục vụ công tác tuyên truyền (không có báo giá, hợp đồng không ghi rõ quy cách, chất liệu) số tiền: 39.152.000đ.

AGAX
SI
AIC
HÀ

Số TT	Đơn vị	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
	Xã Liêm Chung	45.723.000	45.723.000	0	Một số khoản chi đảm bảo công tác huấn luyện dân quân năm thứ nhất; Chi đảm bảo công tác huấn luyện dân quân cơ động năm thứ 2,3,4 (Chi bằng tiền mặt nhưng không có chữ ký của người nhận tiền).
4	Huyện Kim Bảng	13.639.671.000	13.639.671.000	-	
4.1	Ngân sách huyện: Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc giao dự toán lao động hợp đồng 68; HĐLĐ huyện ký đầu năm không được UBND tỉnh giao	1.926.500.000	1.926.500.000	-	Giao dự toán lao động hợp đồng 68; HĐLĐ huyện ký đầu năm không được UBND tỉnh giao. Số lao động hợp đồng 68 là 54 người tương ứng số giao dự toán 346,4trđ; Số lao động hợp đồng huyện ký có đóng BHXH khác 286 người tương ứng 1.580trđ (trong đó gồm 164.294.000đ của Văn phòng HĐND và UBND; 90.204.000đ của Phòng Lao động TB&XH). Đến giữa tháng 8/2017 tỉnh đã giao chỉ tiêu biên chế cho số lao động hợp đồng theo ND68, các hợp đồng lao động ngắn hạn địa phương đã chấm dứt hợp đồng lao động.
4.2	Phòng Lao động thương binh và Xã hội	1.558.521.000	1.558.521.000	-	Giao dự toán chưa có nội dung cụ thể, chi tiết: 33,6trđ; Chi tiền cho người đi phát quà đối tượng lão thành cách mạng... của huyện: 12,9trđ; Chi định mua bánh kẹo cùng 1 nhà cung cấp đối với 02 gói mua bánh kẹo cho đối tượng chính sách... (không thực hiện chào hàng cạnh tranh theo quy định tại Điều 15 và Điều 18 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/16): 1.480trđ; Thanh toán tiền mặt mua quà thăm các đối tượng chú chốt ngày 2/9 (PC38): 32trđ.
4.3	Văn phòng HĐND và UBND	1.875.900.000	1.875.900.000	-	
		980.600.000	980.600.000	-	Không có nội dung, tài liệu, chương trình tập huấn. Thành phần tham dự không cụ thể mà ghi chung chung là Đại diện các tầng lớp nhân dân; Chi chế độ cho người không hưởng lương tổ chức hội nghị triển khai Quyết định số 2089 và số 2090 của tỉnh Hà Nam vv công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh và giải pháp cải cách hành chính, xây dựng chính quyền phục vụ không có nội dung, tài liệu cụ thể, Lập danh sách chi tiền cho đối tượng không hưởng lương nhưng không có địa chỉ rõ ràng 464,2trđ; chi phí khánh tiết tại xã không có giấy biên nhận, phiếu thu 16trđ (16 xã). Chi tuyên truyền chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn 2030 tỉnh Hà Nam và xây dựng văn hóa giao thông vì hạnh phúc mỗi gia đình: Lập danh sách chi tiền cho đối tượng không hưởng lương nhưng không có địa chỉ rõ ràng, chi khánh tiết không có giấy biên nhận, không có nội dung, tài liệu tập huấn 500,4trđ.
		834.370.000	834.370.000	-	Chi các hội nghị tiền trang trí, khánh tiết không có giấy biên nhận/phiếu thu tiền hội trường; không có nội dung, tài liệu tập huấn của giảng viên; chứng từ chi có danh sách bảng kê chi tiền không rõ địa chỉ cụ thể; danh sách khách mời còn chung chung.
		60.930.000	60.930.000	-	Chi "Hội nghị triển khai kế hoạch phát động trồng hoa, cây xanh trên các trục đường giao thông, công sở, các cơ quan và vệ sinh môi trường xây dựng NTM trên địa bàn huyện" và "Hội nghị triển khai KH 2254 của UBND tỉnh Hà Nam" chưa phù hợp tính chất hội nghị theo quy định tại Điều 7 "Phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên" của Quyết định 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ hợp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước
4.4	Thị trấn Ba Sao	518.750.000	518.750.000	-	
		295.250.000	295.250.000	-	Thực hiện mua bàn ghế phòng họp UBND từ năm 2013, không có trong dự toán chi năm 2013, hàng năm không thực hiện đối chiếu công nợ, năm 2017 thực hiện thanh toán 295,25trđ.
		223.500.000	223.500.000	-	Thực hiện chi định thầu rút gọn, chia nhỏ gói thầu để không phải thực hiện chào hàng cạnh tranh, lựa chọn cùng 01 nhà cung cấp đối với 05 gói thầu mua sắm sản phẩm vệ sinh môi trường 223.500.000đ.
4.5	Ngân sách huyện - Dự toán chưa phân bổ đến đơn vị sử dụng, chưa giao đến đơn vị sử dụng đầu năm	3.676.000.000	3.676.000.000	-	Kinh phí sự nghiệp môi trường không phân bổ đến đơn vị sử dụng 1.900trđ; SN kinh tế (cấp bù thùy lợi phí) 1.776trđ
4.6	Giao kinh phí sự nghiệp giáo dục nguồn không tự chủ sang nguồn tự chủ của phòng giáo dục và đào tạo	2.613.000.000	2.613.000.000	-	Kinh phí sự nghiệp giáo dục giao chi thực hiện tự chủ quản lý nhà nước của phòng Giáo dục&Đào tạo.
4.7	Phòng Tài chính kế hoạch (KT tổng hợp)	732.000.000	732.000.000	-	Sự nghiệp giáo dục đào tạo bổ trí chi lương, hoạt động quản lý nhà nước của phòng Giáo dục
4.8	Phòng Tài chính kế hoạch (KT tổng hợp)	377.000.000	377.000.000	-	Sự nghiệp kinh tế bổ trí chi hoạt động của Hội chữ thập đỏ 377trđ.
4.9	Hỗ trợ các đơn vị trên địa bàn nhiệm vụ không thuộc phân cấp ngân sách cấp huyện	362.000.000	362.000.000	-	Hỗ trợ kinh phí chi hoạt động và KP tổ chức Đại hội Công đoàn huyện Kim Bảng của Liên đoàn Lao động huyện 32trđ; Hỗ trợ kinh phí hoạt động chống thất thu ngân sách và sơ kết công tác thu ngân sách 6 tháng đầu năm và tổng kết công tác thu ngân sách năm 2017, công tác thi đua khen thưởng của Chi cục thuế Kim Bảng 330trđ.
XI	Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong công tác quản lý thu, chi ngân sách.	760.287.000	760.287.000	-	
1	Thành phố Phủ Lý	760.287.000	760.287.000	-	

ICN
3
HNN
IAM

Số TT	Đơn vị	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
1.1	Xã Liêm Chung	140.000.000	140.000.000	-	Rà soát, phản ánh vào ngân sách xã đối với các khoản thu, chi từ nguồn đóng góp xây dựng nhà văn hóa (xã đang phản ánh trên tài khoản tiền gửi khác)
1.2	Phường Châu Sơn	620.287.000	620.287.000	-	Thu ngân sách xã đối với khoản thu cho thuê kiốt chợ là số thu 01 lần cho thời gian thuê quầy bán hàng 10 năm, số tiền 620.287.000 đồng chưa theo quy định tại điểm b, khoản 2 điều 3 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, làm ảnh hưởng đến cân đối ngân sách phường các năm sau.
XII	Đôn đốc nộp trả NSTW	7.700.000.000	7.700.000.000	-	
1	Ngân sách tỉnh	7.700.000.000	7.700.000.000	-	Trung ương bổ sung có mục tiêu dự án đầu tư xây dựng các trạm bơm đầu mối khu vực thành phố Phủ Lý phục vụ việc tiêu thoát nước chống ngập úng và kết hợp sản xuất nông nghiệp chưa phân bổ 7.700trđ (Bộ tài chính đã có văn bản số 3639/BTC-ĐT ngày 30/3/2018 v/v thu hồi kế hoạch vốn năm 2017 chưa giải ngân hết trong năm 2017 của tỉnh Hà Nam)
XIII	Kiến nghị xử lý khác tại các BQLDA	16.321.171.881	117.173.000	16.203.998.881	
1	UBND thành phố Phủ Lý/Ban QLDA ĐTXD các công trình thành phố Phủ Lý	117.173.000	117.173.000	-	
	<i>Dự án Đầu tư xây dựng giai đoạn 1 công trình khu đến thờ các anh hùng liệt sỹ và di tích lịch sử văn hóa tỉnh Hà Nam: Công tác vận khuôn cọc; công tác lát sân.</i>	<i>117.173.000</i>	<i>117.173.000</i>	-	Chênh lệch khối lượng vận khuôn cọc: 78.659.000đ do chưa đủ căn cứ tính diện tích mặt tiếp với nền. Công tác lát sân 38.514.000đ, Chưa đủ căn cứ tính lớp vữa lót trong công tác lát sân khi đã có lớp cát gia cố xi măng 6%
2	BQLDA ĐTXD công trình - UBND huyện Kim Bảng	166.998.000		166.998.000	
	<i>Dự án Khu thể thao huyện Kim Bảng</i>	<i>166.998.000</i>		<i>166.998.000</i>	Do thiết kế, hoàn công chưa quy định lát đá bậc tam cấp là đá Granit tự nhiên hay đá granit nhân tạo; đèn chiếu sáng sân chưa quy định rõ ràng là bóng 1000W; cáp đầu nối 2x2,5mm, và ống nhựa PPR nối bằng p/p hàn, dài 6 m, ĐK 50 mm chưa quy định rõ ràng vị trí đầu nối
3	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam	575.072.327		575.072.327	
	Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng ven sông Châu Giang, huyện Bình Lục	575.072.327		575.072.327	
-	<i>Gói thầu số 6: Xây lắp công trình xã An Ninh</i>	<i>178.635.664</i>		<i>178.635.664</i>	
-	<i>Gói thầu số 8: Xây lắp công trình xã Đông Du</i>	<i>38.062.057</i>		<i>38.062.057</i>	
-	<i>Gói thầu số 9: Xây lắp công trình các xã Bình Nghĩa, Hưng Công</i>	<i>358.374.606</i>		<i>358.374.606</i>	Bản vẽ thiết kế và bản vẽ hoàn công không thể hiện chi tiết để tính toán khối lượng phần phá dỡ kết cấu gạch đá bằng búa cần
4	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam	2.089.175.534		2.089.175.534	
a	<i>Dự án xây dựng cầu Phù Vân</i>				
-	Chi phí khác	1.556.202.115		1.556.202.115	Giảm do không thực hiện và tính lại chi phí
+	<i>Chi phí thẩm tra dự toán</i>	<i>56.510.724</i>		<i>56.510.724</i>	Giảm dự toán, do thực tế không thực hiện
+	<i>Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình</i>	<i>780.333.397</i>		<i>780.333.397</i>	Giảm dự toán do thực tế không thực hiện
+	<i>Chi phí giám sát thi công công trình</i>	<i>719.357.994</i>		<i>719.357.994</i>	Giảm dự toán do tính lại chi phí giám sát theo quy định
b	Dự án ĐTXD cải tạo nâng cấp đường ĐH08	532.973.419		532.973.419	
-	<i>Gói thầu xây lắp</i>	<i>532.973.419</i>		<i>532.973.419</i>	Do hồ sơ thiết BVTG không có bản vẽ thể hiện cấu tạo, kích thước công tác sản xuất, lắp dựng và tháo dỡ hệ đá giáo thi công hạng mục 02 công hợp.
5	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	13.372.753.020		13.372.753.020	

Số TT	Đơn vị	Số kiến nghị của KTNN	Số thực hiện của đơn vị	Số kiến nghị chưa thực hiện	Thuyết minh nguyên nhân
	Dự án ĐTXD đường cứu hộ, cứu nạn bảo vệ dân cư miền núi xã Thanh Nguyên, Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm (ĐT.495B)	12.368.015.678		12.368.015.678	Do chưa thành lập Hội đồng thẩm định giá, Chưa có hồ sơ gốc xác định nguồn gốc hình thành tài sản của các doanh nghiệp, tổ chức; chưa có hồ sơ tài liệu liên quan đến thông tin về tài sản định giá bồi thường (huyện Thanh Liêm: 10.695.552.094; huyện Bình Lục: 1.672.463.584)
-	Chi phí GPMB	447.381.342		447.381.342	Do đơn giá bồi thường theo từng các phương án chưa có sự đồng nhất; đơn giá bồi thường chưa loại trừ các khoản lương theo phụ cấp lưu động, phụ cấp không ổn định sản xuất, lương khoán.....
		557.356.000		557.356.000	Do không có hồ sơ nghiệm thu, không có hồ sơ chất lượng, không có nhật ký thi công. Đơn vị thi công đã bỏ không thi công, chỉ có bảng khối lượng do Ban GPMB và đơn vị giám sát xác nhận